

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3272** /BTP-VP
V/v trả lời kiến nghị của các Bộ, ngành,
Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố
trực thuộc Trung ương

Hà Nội, ngày 09 tháng 9 năm 2015

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trên cơ sở kiến nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Tư pháp 6 tháng đầu năm 2015, Bộ Tư pháp xin gửi Bản tổng hợp và trả lời đối với các kiến nghị của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo việc nghiên cứu và tiếp thu những giải đáp của Bộ Tư pháp để nhằm thực hiện tốt hơn công tác pháp chế, tư pháp của Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân trong thời gian tới. *TR*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thủ trưởng (để biết);
- Tổ chức Pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (để nghiên cứu, tiếp thu);
- Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để nghiên cứu, tiếp thu);
- Lưu: VT, TH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đinh Trung Tụng

09918526



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BAN TỔNG HỢP TIẾP NHẬN VÀ TRẢ LỜI KIẾN NGHỊ
CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ĐỐI VỚI CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO,
ĐIỀU HÀNH CỦA BỘ TƯ PHÁP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015**

**I. LĨNH VỰC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VĂN BẢN QUY PHẠM
PHÁP LUẬT VÀ CÔNG TÁC PHÁP CHẾ**

1. Đề nghị Bộ Tư pháp kịp thời báo cáo Chính phủ xem xét, chỉ đạo để có giải pháp giải quyết khó khăn trong việc thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (UBND thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương; Bộ Xây dựng).

Trả lời:

Ngày 04/7/2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 55/2011/NĐ-CP). Sau hơn 04 năm triển khai thi hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, công tác pháp chế ở các Bộ, ngành, địa phương đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận: công tác pháp chế từng bước đi vào nền nếp; tổ chức pháp chế được thành lập, củng cố và kiện toàn một bước; chất lượng nguồn nhân lực làm công tác pháp chế đã được nâng lên, góp phần quan trọng trong việc tăng cường pháp chế XHCN và bảo vệ lợi ích của Nhân dân.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác pháp chế còn có một số khó khăn, vướng mắc và hạn chế nhất định. Kết quả kiểm tra, khảo sát cũng như tổng hợp phản ánh, kiến nghị của nhiều Bộ, ngành, địa phương cho thấy, việc triển khai công tác pháp chế theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP còn nhiều hạn chế, bất cập, cụ thể là: chưa thực hiện chính sách ưu đãi, thu hút người làm công tác pháp chế; còn một số lượng cán bộ pháp chế ở địa phương chưa được chuẩn hóa cử nhân luật; tổ chức pháp chế ngày càng được giao nhiều nhiệm vụ mới, phức tạp tuy nhiên việc kiện toàn tổ chức, biên chế lại chưa được các Bộ, ngành, địa phương quan tâm đúng mức; một số Thông tư, Thông tư liên tịch của các Bộ ban hành chưa phù hợp với quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, do đó, đã gây khó khăn cho UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quá trình triển khai thực hiện.

Trước tình hình nêu trên, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ, ngành và một số địa phương nghiên cứu, đề ra nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; báo cáo kịp thời Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Tại nhiều phiên họp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo triển khai đồng bộ, đề ra nhiều giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác pháp chế, triển khai tốt Nghị định số 55/2011/NĐ-CP. Ngày 08/4/2015, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã chủ trì cuộc họp giữa Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ với các Bộ, ngành có liên quan về tình hình tổ chức và hoạt động của các Phòng Pháp chế tại cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Ngày 17/7/2015, Văn phòng Chính phủ có Công văn số 5592/VPCP-TCCV về việc thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng về tổ chức và hoạt động của các Phòng Pháp chế tại cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo: (1) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí hợp lý biên chế công chức làm công tác pháp chế tại các Sở trong tổng biên chế được giao, bảo đảm số lượng và chất lượng, phù hợp với yêu cầu công tác của từng Sở và địa phương; (2) Bộ Tư pháp chủ trì, nghiên cứu ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương về mô hình tổ chức pháp chế tại các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đề xuất sửa đổi Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế. Sau khi Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2011/NĐ-CP được Chính phủ thông qua, sẽ triển khai việc sửa đổi Thông tư của Bộ Nội vụ, các Thông tư liên tịch giữa Bộ Nội vụ với các Bộ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu cần thiết).

Theo Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2015, Bộ Tư pháp được giao chủ trì soạn thảo, trình Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 55/2011/NĐ-CP. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương tổng kết tình hình thực hiện Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, đồng thời, đã tiến hành lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định nói trên. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ sửa đổi Nghị định số 55/2011/NĐ-CP cho phù hợp với thực tiễn.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề cho người làm công tác pháp chế theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP nhằm thu hút cán bộ làm công tác pháp chế (Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Thanh tra Chính phủ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng).

Trả lời:

Ngay sau khi Nghị định số 55/2011/NĐ-CP được ban hành và có hiệu lực, Bộ Tư pháp đã chủ động phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng và ban hành Kế hoạch triển khai thi hành (Quyết định số 1477/QĐ-BTP ngày 23/8/2011), theo đó, Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ nghiên cứu, xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp theo nghề đối với người làm công tác pháp chế. Trên cơ sở ý kiến thống nhất của đa số các Bộ, ngành, ngày 06/12/2011, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với người làm công tác pháp chế (Tờ trình số 42/TTr-BTP), sau đó, tại các kỳ họp của Chính phủ về xây dựng pháp luật, Bộ Tư pháp đã nhiều lần kiến nghị về vấn đề này.

Tuy nhiên, theo chủ trương của Chính phủ, để thực hiện Kết luận số 63-KL/TW ngày 27/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI thì việc ban hành chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề sẽ được xử lý trong Đề án cải cách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong các doanh nghiệp khi Đề án này được thông qua.

Để khuyến khích đội ngũ những người làm công tác pháp chế, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tham mưu cho Chính phủ, phối hợp với các Bộ, ngành ban hành một số VBQPPL để quy định mới, điều chỉnh tăng mức kinh phí cho một số hoạt động liên quan đến công tác pháp chế như: Thông tư số 129/2013/TT-BTC ngày 18/9/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế; Thông tư liên tịch số 192/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/12/2013 của liên bộ Tài chính, Tư pháp quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác hợp nhất VBQPPL và pháp điển hệ thống văn bản QPPL; Thông tư liên tịch số 92/2014/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 14/7/2014 của liên bộ Tài chính, Tư pháp, Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng VBQPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật...

Thời gian tới, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu, tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành quy định về chế độ hỗ trợ cho người làm công tác pháp chế.

3. Kiến nghị về việc hướng dẫn cụ thể về khoản 2 Điều 17 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP với người làm công tác pháp chế chưa có trình độ cử nhân luật theo quy định khoản 2 Điều 17 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bảo hiểm xã hội Việt Nam).

Trả lời:

Qua theo dõi Bộ Tư pháp thấy rằng: hiện nay có một số lượng tương đối lớn người làm công tác pháp chế ở các địa phương chưa có trình độ cử nhân luật, chưa đáp ứng tiêu chuẩn của người làm công tác pháp chế theo quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP (ở địa phương có khoảng **1186/2348** người có trình độ đại học luật trở lên, đạt hơn **47%**, còn lại là có trình độ đại học chuyên ngành khác)¹.

Để giải quyết vấn đề này, tại dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 55/2011/NĐ-CP do Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP theo hướng: đối với những người hiện đang làm công tác pháp chế ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ mà chưa có trình độ cử nhân luật thì được tham gia chương trình đào tạo về pháp luật và bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn, nghiệp vụ về công tác pháp chế do Bộ Tư pháp tổ chức. Đồng thời, sửa đổi quy định về thời hạn hoàn thành tiêu chuẩn cử nhân luật, theo đó, sau 05 năm kể từ ngày Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55/2011/NĐ-CP có hiệu lực, người làm công tác pháp chế phải có trình độ cử nhân luật.

Ngoài ra, để góp phần giải quyết thực trạng người làm công tác pháp chế chưa có trình độ cử nhân luật, Bộ Tư pháp đã giao Trường Đại học Luật Hà Nội chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng chương trình đào tạo khung các lớp đào tạo văn bằng 2 chuyên ngành luật cho đội ngũ người làm công tác pháp chế (*Quyết định số 290/QĐ-BTP ngày 06/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành kế hoạch thực hiện Quyết định số 73/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện triển khai Nghị quyết số 67/2013/QH13 của Quốc hội về việc tăng cường công tác triển khai thi hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội và ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành*). Đến nay, Bộ Tư pháp đã xây dựng được Chương trình đào tạo nói trên và sẽ triển khai thực hiện trong Quý IV/2015 tại Trường Đại học Luật Hà Nội.

Để chuẩn hóa và nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác pháp chế ở các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tư pháp đề nghị Lãnh đạo, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quan tâm, tạo điều kiện cho người đang làm công tác pháp chế ở cơ quan, đơn vị mình tham dự Chương trình đào tạo nêu trên do Trường Đại học Luật Hà Nội tổ chức.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về công tác pháp chế cho đội ngũ người làm công tác pháp chế ở các Bộ, ngành, địa phương để trao đổi, học tập kinh nghiệm, tăng cường sự phối hợp giữa các tổ chức pháp chế, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác pháp chế (Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Bộ Nội vụ; Bộ Văn hóa,

¹ Số liệu thống kê tính đến ngày 28/02/2015

Thể thao và Du lịch; Bộ Y tế; Thanh tra Chính phủ; Thông tấn xã Việt Nam; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Giao thông vận tải, Bộ Xây dựng).

Trả lời:

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ người làm công tác pháp chế luôn được Bộ Tư pháp xác định là một trong những nhiệm vụ ưu tiên. Việc tổ chức các Hội nghị, tập huấn là dịp để người làm công tác pháp chế được bổ sung một số kỹ năng, nghiệp vụ trong công tác pháp chế, đồng thời, cũng là cơ hội để các cán bộ làm công tác pháp chế trao đổi về kinh nghiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao và tăng cường sự gắn kết giữa những người làm công tác pháp chế ở các Bộ, ngành và địa phương và doanh nghiệp nhà nước.

Từ đầu năm đến nay, Bộ Tư pháp đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị, lớp bồi dưỡng, tập huấn dành cho người làm công tác pháp chế ở các Bộ, ngành, địa phương và các doanh nghiệp nhà nước với nhiều nội dung như: tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cho người làm công tác pháp chế của một số Tập đoàn kinh tế như: Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam...do Trung tâm tư vấn pháp luật trường Đại học Luật Hà Nội phối hợp thực hiện; tổ chức lớp bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn, kỹ năng và nghiệp vụ pháp chế cho công chức, viên chức làm công tác pháp chế; lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về kỹ năng thẩm định văn bản quy phạm pháp luật cho người làm công tác pháp chế ở các cơ quan chuyên môn thuộc UBND các tỉnh, thành pháp trực thuộc Trung ương và người làm công tác xây dựng pháp luật ở các Sở Tư pháp... do Học viện Tư pháp phối hợp thực hiện; tổ chức các Hội nghị tập huấn nghiệp vụ công tác pháp chế năm 2015 tại tỉnh Lạng Sơn và thành phố Hải Phòng, Hội nghị sinh hoạt pháp chế tại thành phố Hải Phòng v..v...

Ngoài ra, thực hiện trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ công tác pháp chế, đáp ứng yêu cầu của các Bộ, ngành, địa phương, năm 2015, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 01/2015/TT-BTP ngày 15/01/2015 hướng dẫn về nghiệp vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức pháp chế; xuất bản cuốn “Sổ tay công tác pháp chế”, đây là cuốn sách có tính “cầm tay chỉ việc” về nghiệp vụ trên các mặt công tác pháp chế, từ công tác lập chương trình, soạn thảo, góp ý, thẩm định, kiểm soát thủ tục hành chính, phổ biến, giáo dục pháp luật, hợp nhất, pháp điển, kiểm tra và xử lý văn bản đến công tác theo dõi thi hành pháp luật, v..v....

Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành và các cơ quan có liên quan để tổ chức các hội nghị, hội thảo, lớp bồi dưỡng, lớp tập huấn dành cho người làm công tác pháp chế ở các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp nhà nước nhằm nâng cao trình độ, năng lực cho người làm công tác pháp chế, để đội ngũ này thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện các quy định của pháp luật về nghiệp vụ công tác pháp chế (Thanh tra Chính phủ).

Trả lời:

Theo quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP và một số VBQPPL khác, tổ chức pháp chế Bộ, ngành, địa phương phải thực hiện nhiều nhiệm vụ, quyền hạn khác nhau trong nhiều lĩnh vực công tác như: xây dựng pháp luật; rà soát, hệ thống hóa VBQPPL và pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật; kiểm tra và xử lý VBQPPL; phổ biến giáo dục pháp luật, kiểm soát TTHC, quản lý xử lý VPHC.... Để tạo điều kiện cho tổ chức pháp chế Bộ, ngành địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã ban hành nhiều Thông tư hướng dẫn nghiệp vụ cho các tổ chức pháp chế Bộ, ngành, địa phương như: Thông tư số 01/2015/TT-BTP ngày 15/01/2015 hướng dẫn về nghiệp vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức pháp chế; Thông tư 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 về việc hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 về việc hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát đánh giá thủ tục hành chính; Thông tư số 14/2014/TT-BTP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật...

Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu xây dựng và ban hành các VBQPPL hướng dẫn nghiệp vụ để giúp tổ chức pháp chế ở Bộ, ngành, địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

6. Hiện nay, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: Bộ Tư pháp có trách nhiệm thẩm định dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết, dự thảo nghị định trước khi trình Chính phủ. Tuy nhiên, trên thực tế, thời gian Bộ Tư pháp thẩm định văn bản thường kéo dài, gây ảnh hưởng đến tiến độ trình văn bản của Bộ Giao thông vận tải lên Chính phủ. Do vậy, đề nghị Bộ Tư pháp xem xét lại quy trình thẩm định văn bản quy phạm pháp luật để rút ngắn thời gian thẩm định, đảm bảo tiến độ và chất lượng của văn bản quy phạm pháp luật trình Chính phủ ban hành (Bộ Giao thông vận tải).

Trả lời:

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008 thì thời gian tối đa để cơ quan thẩm định tiến hành thẩm định dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết là 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định; thời gian tối đa để cơ quan thẩm định tiến hành thẩm định dự thảo nghị định là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định. Quy định trên của Luật nhằm đảm bảo cho cơ quan thẩm định có một khoảng thời gian hợp lý để tiến hành các công việc như: nghiên cứu hồ sơ, tài liệu liên quan, thành lập Hội đồng thẩm định, tổ chức cuộc họp thẩm định, xây dựng báo cáo thẩm định và trình Lãnh đạo ký báo cáo thẩm định.

Trong thời gian qua, mặc dù Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về thời hạn thẩm định là tương đối ngắn, số lượng dự thảo lớn, nội dung một số dự thảo phức tạp, nhưng nhìn chung, Bộ Tư pháp đã cố gắng khắc phục khó khăn để bảo đảm tiến độ thẩm định, không để xảy ra tình trạng vì chậm tiến độ thẩm định mà cơ quan chủ trì soạn thảo không trình được văn bản theo kế hoạch. Tuy nhiên, tiến độ thẩm định một số dự thảo văn bản quy phạm pháp luật còn chậm so với quy định, ảnh hưởng đến việc tiếp thu, chỉnh lý dự thảo văn bản của các cơ quan chủ trì soạn thảo như Bộ Giao thông vận tải đã nêu. Hạn chế này có nguyên nhân chủ quan từ phía Bộ Tư pháp nhưng cũng có một số trường hợp nguyên nhân từ phía các cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản khi gửi hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị định còn thiếu các tài liệu theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật nên Bộ Tư pháp phải đề nghị bổ sung các tài liệu vào hồ sơ, làm cho thời gian thẩm định kéo dài hơn. Ngoài ra, đối với một số các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực thì Bộ Tư pháp phải thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc tổ chức các cuộc họp tư vấn thẩm định để huy động trí tuệ, kinh nghiệm của các nhà khoa học, chuyên gia thuộc các ngành, lĩnh vực có liên quan, giúp đưa ra ý kiến phản biện chính xác, khách quan hơn, bảo đảm tính đồng bộ, tính khả thi của VBQPPL sau khi được ban hành. Do đó, thời gian thẩm định sẽ kéo dài hơn.

Để siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong việc tuân thủ thời hạn thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp đã tham mưu, báo cáo Chính phủ, trình Quốc hội thông qua Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, trong đó, tại khoản 4 Điều 7 đã quy định rõ: *“Cơ quan thẩm định chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình hoặc cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về kết quả thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật”*.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ soạn thảo, trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục chỉ đạo để nâng cao nhận thức về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác thẩm định; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc thực hiện thẩm định VBQPPL của Bộ Tư pháp. Đồng thời, đề nghị Bộ Giao thông vận tải nói riêng và các Bộ, cơ quan ngang Bộ nói chung tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp để hoàn thành đúng tiến độ và nâng cao chất lượng các VBQPPL.

III. LĨNH VỰC KIỂM TRA, RÀ SOÁT, HỢP NHẤT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT, PHÁP ĐIỂN HỆ THỐNG QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. *Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, rà soát các văn bản pháp luật có liên quan đến các lĩnh vực thuộc hoạt động của ngành để kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung nhằm giải quyết các vướng mắc trong quá trình thi hành vào thực tiễn (UBND thành phố Hồ Chí Minh).*

Trả lời:

Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản luôn được Bộ Tư pháp chú trọng, đặc biệt kể từ khi Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản được ban hành.

Thực hiện quy định của Nghị định số 16/2013/NĐ-CP, trong năm 2013, Bộ Tư pháp đã tiến hành hệ thống hóa toàn bộ văn bản QPPL liên quan đến các lĩnh vực thuộc hoạt động của ngành còn hiệu lực từ năm 1981 đến 31/12/2013. Ngày 03/3/2014, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 480/QĐ-BTP về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp đến hết ngày 31/12/2013, theo đó có 290 văn bản còn hiệu lực, 312 văn bản hết hiệu lực toàn bộ, 36 văn bản hết hiệu lực một phần và 68 văn bản cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới. Các văn bản kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới đang được cơ quan, người có thẩm quyền xử lý.

Đồng thời, hàng năm, Bộ Tư pháp đều tiến hành rà soát văn bản QPPL thuộc thẩm quyền và công bố kết quả rà soát theo quy định của Nghị định 16/2013/NĐ-CP. Ngoài hoạt động rà soát văn bản được Bộ Tư pháp thực hiện thường xuyên ngay khi có căn cứ pháp lý để kịp thời kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, Bộ Tư pháp còn thực hiện rà soát chuyên đề: như rà soát văn bản theo Hiến pháp năm 2013, rà soát văn bản để phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, Luật Hộ tịch năm 2014...

2. Kiến nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm, có hướng dẫn hoặc nghiên cứu đối với văn bản số 1432/STP-BTTP ngày 30/3/2015 gửi Cục Kiểm tra văn bản QPPL về việc kiến nghị kiểm tra văn bản pháp luật liên quan đến việc chuyển giao, tiếp nhận và xử lý tài sản tịch thu sung công quỹ nhà nước (UBND TP Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Sau khi nhận được Công văn số 1432/STP-BTTP ngày 30/3/2015 của Sở Tư pháp TP Hồ Chí Minh, Bộ Tư pháp đã tiến hành kiểm tra Thông tư liên tịch số 168/2013/TTLT-BTC-BCA ngày 15/11/2013 của Bộ Tài chính, Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quyết định số 47/2012/QĐ-TTg ngày 01/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống tội phạm. Qua kiểm tra, Bộ Tư pháp thấy rằng: Thông tư liên tịch số 168 nêu trên có một số nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật liên quan hiện hành.

Để đảm bảo tính hợp pháp, tính thống nhất của văn bản trong hệ thống pháp luật, trên cơ sở kết quả kiểm tra và trao đổi với các cơ quan ban hành văn bản, ngày 20/5/2015, Bộ Tư pháp đã có thông báo kiểm tra văn bản số 107/KTrVB gửi Bộ Tài chính và Bộ Công an đề nghị tổ chức tự kiểm tra, xử lý nội dung chưa phù hợp với pháp luật của Thông tư liên tịch số 168 và thông báo kết quả xử lý cho Bộ Tư pháp (qua Cục Kiểm tra văn bản QPPL) theo quy định

của pháp luật. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang tiếp tục theo dõi, đôn đốc các cơ quan ban hành xử lý Thông tư liên tịch nêu trên.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm ban hành hướng dẫn nghiệp vụ về rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL; tổ chức tập huấn về công tác pháp điển QPPL để tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao (Bộ Nội vụ)

Trả lời:

Trong những năm qua, Bộ Tư pháp thường xuyên ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản. Từ khi Nghị định số 16/2013/NĐ-CP được ban hành, Bộ Tư pháp đã tổ chức các Hội nghị triển khai Nghị định số 16/2013/NĐ-CP, ban hành Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP, tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản. Theo đó, các tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ đã được gửi tới pháp chế các Bộ, ngành, địa phương và được đăng tải tại Trang thông tin Hướng dẫn nghiệp vụ của Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp (<http://moj.gov.vn/huongdannv>). Ngoài ra, Bộ Tư pháp (trực tiếp là Cục Kiểm tra văn bản QPPL) cũng đã biên soạn sách “Một số nội dung quy định về rà soát, hệ thống hóa văn bản” (xuất bản năm 2013), trong đó có nêu, phân tích các quy định của Nghị định số 16/2013/NĐ-CP, Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15/6/2013, giúp các Bộ, ngành, địa phương triển khai hiệu quả Nghị định số 16/2013/NĐ-CP tại cơ quan, địa phương mình. Trong thời gian sắp tới, Bộ Tư pháp sẽ biên soạn Sổ tay tình huống nghiệp vụ rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật để tạo thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại các Bộ, ngành, địa phương.

Đối với công tác pháp điển, trong năm 2014, Cục Kiểm tra văn bản QPPL đã phối hợp với Học viện Tư pháp tổ chức lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ pháp điển hệ thống QPPL cho các cơ quan thực hiện pháp điển (vào các ngày 30 - 31/10/2014). Theo Kế hoạch, dự kiến trong tháng 11/2015, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tổ chức hội thảo hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ công tác pháp điển hệ thống QPPL cho một số đơn vị thuộc các cơ quan thực hiện pháp điển. Đề nghị Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành quan tâm, tạo điều kiện cho những người làm công tác pháp điển tham gia đầy đủ các lớp tập huấn nghiệp vụ.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp tăng cường tổ chức các lớp tập huấn về công tác kiểm tra và xử lý văn bản văn bản QPPL (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Tài Nguyên và Môi trường)

Trả lời:

Công tác bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ về công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL luôn được Bộ Tư pháp coi trọng. Trong thời gian qua, bên cạnh việc chủ động tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác pháp chế của các Bộ, ngành về công tác nêu trên, Bộ Tư pháp đã tích cực phối hợp với tổ chức pháp chế Bộ, ngành và cơ quan tư pháp địa

phương trong tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra văn bản QPPL khi có yêu cầu như: cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan; cử cán bộ làm báo cáo viên tại lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ.

Dự kiến trong quý III năm 2015, Bộ Tư pháp sẽ tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ về công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL cho các cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, xử lý văn bản tại tổ chức pháp chế các Bộ, ngành, địa phương.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện pháp điển hệ thống QPPL về nông nghiệp, nông thôn, cụ thể: trao đổi, hướng dẫn về nghiệp vụ pháp điển đối với các tình huống cụ thể; góp ý Kế hoạch pháp điển, thẩm định hồ sơ đề nghị pháp điển khi có đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Trả lời:

Thực hiện trách nhiệm được giao theo quy định tại Pháp lệnh Pháp điển hệ thống QPPL, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tích cực phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với các cơ quan thực hiện pháp điển để tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ theo quy định. Bên cạnh việc tổ chức lớp tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ và tọa đàm sinh hoạt chuyên môn, nghiệp vụ định kỳ hàng quý với các cơ quan thực hiện pháp điển và cộng tác pháp điển, Bộ Tư pháp còn cử cán bộ đến trực tiếp trao đổi, hướng dẫn về công tác pháp điển tại các cơ quan thực hiện pháp điển khi có yêu cầu, đề nghị.

Đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong tháng 4/2015, Bộ Tư pháp (cụ thể là Cục Kiểm tra văn bản QPPL) đã cử cán bộ tham gia và trình bày, hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ pháp điển tại Hội nghị triển khai công tác pháp điển của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Về việc góp ý Kế hoạch pháp điển, thẩm định các hồ sơ pháp điển do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực hiện tốt các công việc nêu trên.

IV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THEO DÕI THI HÀNH PHÁP LUẬT

1. Đề nghị Bộ Tư pháp khẩn trương hoàn thiện và tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định về xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện (UBND thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng nhà nước Việt Nam).

Trả lời:

Để triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (gọi tắt là Luật XLVPHC), ngày 05/10/2012, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1473/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai và Danh mục nghị định quy định

chi tiết thi hành Luật XLVPHC, theo đó, Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ: (i) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Nghị định quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, trình Chính phủ xem xét, ban hành vào tháng 10/2013; (ii) chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng “Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt vào tháng 6/2014.

Tuy nhiên, việc xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính là vấn đề mới, rất phức tạp nên cần phải có thêm thời gian để nghiên cứu, thống nhất về nội dung của dự thảo Nghị định, bảo đảm tính khả thi trước khi trình Chính phủ, đặc biệt về các nội dung như: (i) vấn đề mô hình cấu trúc dữ liệu; (ii) phạm vi thông tin cần cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; (iii) trách nhiệm của các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng, cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; (iv) mô hình quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính; (v) nguồn nhân lực để triển khai thực hiện...

Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính cũng cần phải bảo đảm sự kết nối với các cơ sở dữ liệu về hộ tịch, cơ sở dữ liệu về dân cư... Do vậy, cần phải chờ các cơ sở dữ liệu nói trên được xây dựng để tạo cơ chế chia sẻ thông tin được đồng bộ, thuận lợi và dễ dàng, tránh sự lãng phí.

Hiện tại, Bộ Tư pháp đã triển khai xây dựng dự thảo Nghị định quy định cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính và dự kiến sẽ trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ vào tháng 12 năm 2015 (*Bộ Tư pháp cũng đã hoàn thành việc khảo sát tình hình xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương như Tổng cục Hải quan, Tổng cục Thuế, thành phố Đà Nẵng... để phục vụ trực tiếp cho việc xây dựng Nghị định và Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính*).

2. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn về việc phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; phối hợp với Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn việc phối hợp thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật từ các Bộ, ngành Trung ương (UBND thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Luật XLVPHC đã được Quốc hội khóa XIII (kỳ họp thứ ba) thông qua ngày 20/6/2012 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2013, trừ các quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định thì có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2014. Để triển khai thực hiện Luật XLVPHC, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC. Theo đó, khoản 3, khoản 4 Điều 17 Luật XLVPHC quy định cụ thể trách nhiệm của Tòa án nhân

dân tối cao, các Bộ, ngành trong việc thực hiện hoặc phối hợp thực hiện với Bộ Tư pháp đối với công tác quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Trong thực tiễn triển khai thi hành Luật, nếu thấy cần thiết cần thiết, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, báo cáo Chính phủ đề nghị xây dựng văn bản phối hợp trong việc quản lý công tác thi hành pháp luật về XLVPHC.

3. *Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn việc thực hiện khoản 1 Điều 126 Luật XLVPHC: ...Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp. Trong trường hợp này, cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương giá trị tang vật, phương tiện vi phạm vào ngân sách nhà nước”, phải được quy định cụ thể tại các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính để việc áp dụng pháp luật được thống nhất vì trên thực tế việc áp dụng thực hiện khoản 1 Điều 126 Luật XLVPHC còn nhiều vướng mắc (UBND tỉnh Lâm Đồng).*

Trả lời:

Quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 126 Luật XLVPHC nhằm bảo đảm quyền lợi của chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp trong trường hợp tài sản của họ bị đối tượng vi phạm chiếm đoạt, sử dụng trái phép làm công cụ, phương tiện vi phạm hành chính. Đồng thời, việc quy định đối tượng vi phạm hành chính phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá phương tiện bị tịch thu thực chất là để buộc đối tượng vi phạm trong trường hợp chiếm đoạt, sử dụng trái phép phương tiện để thực hiện hành vi vi phạm hành chính phải **thực hiện hình thức xử phạt tịch thu phương tiện** vi phạm hành chính bằng tài sản của bản thân mình để bảo đảm sự công bằng và tính nghiêm minh của pháp luật. Đoạn 3 khoản 1 Điều 126 của Luật cũng quy định, nếu chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp có lỗi cố ý trong việc để người vi phạm sử dụng phương tiện vi phạm hành chính thì phương tiện đó bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, qua công tác tổng hợp khó khăn, vướng mắc trong áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp tán thành với ý kiến của UBND tỉnh Lâm Đồng là quy định nêu trên rất khó triển khai áp dụng trên thực tế do chưa có quy định chi tiết hướng dẫn thi hành. Do đó, để bảo đảm thực hiện thống nhất thẩm quyền, trình tự, thủ tục, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, đề xuất Chính phủ quy định chi tiết đoạn 2 khoản 1 Điều 126 Luật XLVPHC trong dự thảo Nghị định bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP trong thời gian sớm nhất.

Về lâu dài, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp ý kiến của cá nhân, cơ quan, tổ chức về việc thực hiện khoản 1 Điều 126 Luật XLVPHC để báo cáo Chính phủ xem xét, kiến nghị với Quốc hội sửa đổi, bổ sung quy định của Luật về vấn đề này nếu thấy cần thiết.

4. *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, sửa đổi: (1) Điều 71 Luật XLVPHC: Trong trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính ở địa bàn cấp*

tỉnh này nhưng cư trú, đóng trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và không có điều kiện chấp hành quyết định xử phạt tại nơi bị xử phạt thì quyết định xử phạt được chuyển đến cơ quan cùng cấp nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở để tổ chức thi hành... Cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các trường hợp này có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ, giấy tờ liên quan; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính (nếu có) cho cơ quan tiếp nhận quyết định xử phạt để thi hành theo quy định của Luật này. Cá nhân, tổ chức vi phạm có trách nhiệm trả chi phí vận chuyển hồ sơ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. Trên thực tế quy định này không có tính khả thi như trong xử phạt về quản lý bảo vệ rừng; (2) khoản 6 Điều 125 Luật XLVPHC: Trong trường hợp chỉ áp dụng hình thức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt có quyền tạm giữ một trong các loại giấy tờ theo thứ tự: giấy phép lái xe hoặc giấy phép lưu hành phương tiện hoặc giấy tờ cần thiết khác có liên quan đến tang vật, phương tiện cho đến khi cá nhân, tổ chức đó chấp hành xong quyết định xử phạt. Nếu cá nhân, tổ chức vi phạm không có giấy tờ nói trên, thì người có thẩm quyền xử phạt có thể tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính...”, quy định này cũng sẽ gây khó khăn trong việc thi hành quyết định xử phạt như xử phạt hành vi vận chuyển lâm sản trái phép vì mức tiền xử phạt là tương đối lớn (UBND tỉnh Lâm Đồng).

Trả lời:

Về các vấn đề do UBND tỉnh Lâm Đồng đề cập, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với UBND tỉnh để xác định cụ thể những nội dung không phù hợp thực tế, trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp, nghiên cứu và báo cáo Chính phủ xem xét, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật XLVPHC để quy định cụ thể, chi tiết hoặc kiến nghị với Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật XLVPHC để bảo đảm tính khả thi của các quy định.

5. Kiến nghị của UBND tỉnh Lâm Đồng về đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, xem xét đề nghị sửa đổi, bổ sung Nghị định số 221/2013/NĐ-CP các điểm sau:

5.1. Đối với quy định tại Điều 11 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP về thông báo việc lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc cho người bị đề nghị, đề xuất nghiên cứu sửa đổi là: về thời gian đọc hồ sơ là kể từ ngày người bị đề nghị nhận được thông báo cho đến ngày Tòa án quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện (thay vì 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo). Việc gửi hồ sơ để kiểm tra tính pháp lý đến Trường phòng Tư pháp cấp huyện được thực hiện sau khi hoàn thành việc lập hồ sơ đề nghị. Như vậy, thời gian xem xét áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện sẽ giảm được 05 ngày so với quy định hiện hành.

5.2. Đối với quy định tại Điều 14 Nghị định số 221/2013/NĐ-CP giao cho tổ chức xã hội quản lý người không có nơi cư trú ổn định trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, trên thực tế là không có tính khả thi. Đề nghị nên giao cho cơ sở cai nghiện quản lý thì có tính khả thi hơn.

5.3. Về thời gian kiểm tra hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Phòng Tư pháp và Phòng LĐTB&XH đề nghị nghiên cứu có thể rút ngắn lại tại mỗi đơn vị là 03 ngày để rút ngắn thời hạn xem xét hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Trả lời:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2298/TTg-KGVX ngày 14/11/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện Nghị quyết số 77/2014/QH13 của Quốc hội và Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam tại Công văn số 10435/VPCP-KGVX ngày 26/12/2014 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 2298/TTg-KGVX liên quan đến vấn đề áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, hiện tại, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Công an và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiến hành rà soát các quy định pháp luật liên quan đến công tác cai nghiện ma túy nhằm rút ngắn thời gian, đơn giản hóa thủ tục lập hồ sơ đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, đặc biệt là đối với người nghiện không có nơi cư trú ổn định để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, tổng hợp các đề xuất của Quý Ủy ban để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các Nghị định liên quan đến công tác cai nghiện ma túy nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát sinh.

6. Hiện nay, chưa có văn bản hướng dẫn thống nhất của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính về kinh phí đối với công tác theo dõi thi hành pháp luật, công tác quản lý pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, gây khó khăn cho các Bộ, ngành trong quá trình lập dự toán kinh phí. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn chung thống nhất về kinh phí đối với ác hoạt động này (Ngân hàng nhà nước Việt Nam).

Trả lời:

Nhằm bảo đảm kinh phí đối với công tác theo dõi thi hành pháp luật, công tác quản lý pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp đã đề xuất và hiện đang phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Thông tư quy định việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Theo kế hoạch, Thông tư sẽ được ban hành trong quý IV năm 2015.

7. Điểm b khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC quy định: “b) Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này được quy định như sau: Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm. Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm. Tuy nhiên, Luật XLVPHC và các văn bản hướng dẫn không quy định cụ thể các căn cứ để xác định “vi phạm hành chính đã kết thúc” và “vi phạm hành chính đang được thực hiện”, điều này gây khó khăn trong quá trình thực hiện

pháp luật. Đề nghị Bộ Tư pháp báo cáo Chính phủ có hướng dẫn về cách thức xác định “vi phạm hành chính đã kết thúc”, “vi phạm hành chính đang được thực hiện” tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC để thống nhất trong quá trình xử lý vi phạm hành chính (Ngân hàng nhà nước Việt Nam).

Trả lời:

Việc xác định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp xử phạt đối với “hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc”, “hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC. Tuy nhiên, hiện nay, Luật XLVPHC và các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật chưa có quy định cụ thể về việc xác định thế nào là “hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc”, “hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện” để có căn cứ xác định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.

8. Khoản 2 Điều 24 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định “Thông tin thống kê về xử lý vi phạm hành chính được thu thập theo quy định của pháp luật về thống kê”. Tuy nhiên, hiện nay các thông tin thống kê về xử lý vi phạm hành chính chưa được quy định cụ thể, chưa thống nhất trong quá trình thực hiện. Đề nghị Bộ Tư pháp báo cáo Chính phủ, phối hợp với các cơ quan liên quan để xây dựng thông tin, chỉ tiêu thống kê cụ thể, thống nhất trong quá trình thực hiện (Ngân hàng nhà nước Việt Nam).

Trả lời:

Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong việc thu thập các thông tin thống kê về xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp đang nghiên cứu để xây dựng, ban hành Thông tư quy định về thống kê trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính trong thời gian sớm nhất, tạo thuận lợi cho các Bộ, ngành, địa phương trong triển khai thực hiện.

9. Đề nghị Bộ Tư pháp đề xuất với Chính phủ sửa đổi Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, theo đó, quy định rõ và cụ thể hơn nữa về các thông tin thu thập được và kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật cần được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu tình hình thi hành pháp luật về tài nguyên và môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang triển khai thực hiện Kế hoạch sơ kết 03 năm thực hiện Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012, trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp sẽ báo cáo Chính phủ để sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2012/NĐ-CP như đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

10. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm xây dựng phần mềm chung cho cơ sở dữ liệu tình hình thi hành pháp luật và hướng dẫn các Bộ, ngành xây dựng, tích hợp; sớm ban hành biểu mẫu báo cáo cụ thể về công tác theo dõi tình hình thi

hành pháp luật; cần quy định có riêng nguồn kinh phí cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đặc biệt là nhiệm vụ theo dõi tình hình xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Trả lời:

Đối với đề xuất của Quý Bộ về việc sớm xây dựng phần mềm chung cho cơ sở dữ liệu tình hình thi hành pháp luật và hướng dẫn các Bộ, ngành xây dựng, tích hợp: Bộ Tư pháp sẽ tổng hợp, nghiên cứu để có giải pháp thực hiện theo đề xuất của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với đề xuất sớm ban hành biểu mẫu báo cáo cụ thể về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật: Bộ Tư pháp đã tổ chức xây dựng Thông tư ban hành mẫu đề cương báo cáo và các phụ lục sử dụng trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Dự kiến Thông tư sẽ được ban hành trong quý III/2015.

Đối với đề xuất cần quy định có riêng nguồn kinh phí cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật đặc biệt là nhiệm vụ theo dõi tình hình xử lý vi phạm hành chính: Hiện nay, các văn bản pháp luật về kinh phí do Bộ Tài chính ban hành chưa có quy định riêng nguồn kinh phí cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Để bảo đảm kinh phí cho công tác theo dõi thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 611/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL ngày 03/3/2015 gửi các Bộ, ngành hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác theo dõi thi hành pháp luật.

Đối với kinh phí theo dõi tình hình xử lý vi phạm hành chính, hiện nay, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Thông tư liên tịch quy định việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí trong quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính. Theo kế hoạch, Thông tư sẽ được ban hành trong quý IV năm 2015.

11. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, thực hiện việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo các chuyên đề cụ thể (Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Năm 2015, Cục QLXLVPHC&TDTHPL đã tổ chức nhiều lớp tập huấn về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, tập huấn chuyên sâu về xử phạt vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật. Tính đến ngày 15/8/2015, Cục QLXLVPHC&TDTHPL đã tổ chức được 08 (tám) hội nghị tập huấn thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính tại cả 03 miền: miền Bắc, miền Trung, miền Nam với sự tham gia của đại diện các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong toàn quốc theo đại diện vùng miền. Dự kiến trong tháng 9/2015 và tháng 10/2015, Cục QLXLVPHC&TDTHPL sẽ tổ chức các lớp tập

huấn chuyên sâu về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo dõi tình hình thi hành pháp luật cho các Bộ, ngành, địa phương tại Thái Nguyên, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh quan tâm, phối hợp, cử cán bộ tham gia đầy đủ các lớp tập huấn do Bộ Tư pháp tổ chức theo văn bản triệu tập của Bộ Tư pháp.

12. Đề nghị Bộ Tư pháp Khẩn trương nghiên cứu đề có định hướng tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đã được phản ánh, kiến nghị trong các báo cáo công tác 6 tháng, báo cáo năm (Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Công tác tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thi hành Luật XLVPHC nhằm đánh giá thực tiễn thi hành Luật luôn được Bộ Tư pháp xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng và đã được tiến hành ngay từ khi Luật XLVPHC có hiệu lực thi hành. Để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ này, ngày 04/6/2015, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1049/QĐ-BTP về việc thành lập “*Tổ công tác liên ngành tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai thi hành Luật XLVPHC*”. Nhiệm vụ chủ yếu của Tổ công tác liên ngành là rà soát, tham mưu, tư vấn, xử lý các văn bản pháp luật hiện hành có nội dung trùng lặp hoặc không bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; đánh giá thực trạng khó khăn, vướng mắc trong XLVPHC, phân tích và đề xuất giải pháp tháo gỡ, kịp thời phản ứng chính sách; tham mưu xử lý các vấn đề, vụ việc phức tạp, liên quan đến nhiều Bộ, ngành, phát sinh trong quá trình triển khai thi hành Luật XLVPHC.

Qua theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, các báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của các Bộ, ngành, địa phương (báo cáo định kỳ 06 tháng, một năm, trong đó có báo cáo của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh) cũng như tổng hợp ý kiến của các thành viên Tổ công tác liên ngành tại các cuộc họp liên ngành, ý kiến của tổ chức, cá nhân tại các cuộc hội thảo, hội nghị tập huấn..., đến thời điểm này, Bộ Tư pháp đã tổng hợp một số khó khăn, vướng mắc xuất phát từ các quy định của Luật XLVPHC và tiến hành phân loại các khó khăn, vướng mắc này để từ đó có những đề xuất, kiến nghị cụ thể: *Một là*, những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Chính phủ có thể sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các Nghị định theo thẩm quyền để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành; *Hai là*, những vấn đề Luật XLVPHC quy định chưa rõ, đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích theo thẩm quyền; *Ba là*, những vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội, đề nghị Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định.

Liên quan đến vấn đề này, Bộ Tư pháp cũng xin thông tin thêm để Quý Sở được biết, ngày 29/7/2015, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2729/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ giao tại Công văn số 1398/VPCP-PL

ngày 27/02/2015 của Văn phòng Chính phủ. Tại Công văn nêu trên, Bộ Tư pháp đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả rà soát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong thực thi pháp luật xử lý vi phạm hành chính của lực lượng Quản lý thị trường nói riêng và các khó khăn, vướng mắc khác nói chung trong quá trình triển khai thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong Luật XLVPHC và các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính thuộc các lĩnh vực quản lý. Trên cơ sở đó, Bộ Tư pháp đã đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung trong Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật XLVPHC.

Đối với Luật XLVPHC, Bộ Tư pháp thấy rằng, cho đến thời điểm hiện nay, Luật XLVPHC mới được triển khai thi hành gần 02 năm đối với các quy định về xử phạt vi phạm hành chính, hơn 01 năm đối với quy định về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định. Do đó, Bộ Tư pháp đề xuất Chính phủ việc tổng hợp các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thi hành Luật XLVPHC sẽ tiếp tục được Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện và sẽ tiến hành sơ kết 03 năm thực hiện Luật vào đầu năm 2017 (thời điểm tròn 03 năm triển khai thực hiện các quy định về việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định). Trên cơ sở kết quả sơ kết việc triển khai thực hiện các quy định về xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính trong Luật XLVPHC, Bộ Tư pháp sẽ có đề xuất tổng thể, báo cáo bằng văn bản với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để báo cáo Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật XLVPHC cho phù hợp thực tiễn.

V. LĨNH VỰC KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Đề nghị Bộ Tư pháp đề xuất với Chính phủ tiếp tục chỉ đạo các Bộ, ngành Trung ương sớm rà soát, công bố bộ thủ tục hành chính, qua rà soát còn hiệu lực thi hành để địa phương làm căn cứ, tra cứu, rà soát các thủ tục hành chính ở địa phương; phối hợp và có ý kiến với các Bộ, ngành Trung ương công bố thủ tục hành chính kịp thời, đầy đủ, cụ thể để địa phương dễ dàng trong việc đối chiếu, làm cơ sở đối với việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết. Trước mắt, đề xuất khẩn trương ban hành Danh mục tên thủ tục hành chính trong các lĩnh vực để địa phương làm cơ sở thực hiện việc chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính tại địa phương (UBND thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Quảng Ninh, Đồng Tháp).

Trả lời:

Để bảo đảm thực hiện thống nhất quy trình công bố thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư số 05/2014/TT-BTP hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính. Theo đó, các Bộ, ngành Bộ, cơ quan ngang Bộ có trách

nhiệm công bố thủ tục hành chính ngay sau khi văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định chi tiết về thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý được ban hành, trên cơ sở đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ công bố thủ tục hành chính thực hiện tại địa phương. Tuy nhiên, thời gian qua, một số Bộ, ngành chậm công bố thủ tục hành chính làm ảnh hưởng đến việc công bố, công khai của địa phương².

Ngày 06/01/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 08/QĐ-TTg về Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015, trong đó có nhiệm vụ trọng tâm là rà soát, chuẩn hóa, công khai thủ tục hành chính. Theo đó, mục tiêu phải đạt được của Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm là 100% thủ tục hành chính tại các cấp chính quyền được chuẩn hóa và kịp thời công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính. Đến 30/4/2015, các Bộ ngành phải ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý và giải quyết tại các cấp chính quyền; các tỉnh phải ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết trên địa bàn. Tuy nhiên, tiến độ triển khai Kế hoạch này còn chậm. Đến nay, có 19/24 Bộ, cơ quan đã hoàn thành hệ thống hóa, lập và chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính và gửi lấy ý kiến của Bộ Tư pháp, các cơ quan có liên quan³; 25/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương⁴ đã thống kê và ban hành danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi giải quyết trên địa bàn.

Đối với 2 vấn đề nêu trên, qua các cuộc họp giao ban định kỳ hàng quý với các Bộ, ngành cũng như giao ban với các địa phương, Bộ Tư pháp thường xuyên đôn đốc các Bộ, ngành thực hiện công bố công khai thủ tục hành chính để tạo thuận lợi cho địa phương công bố và niêm yết thủ tục hành chính. Đồng thời, đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong cải cách thủ tục hành chính, yêu cầu về minh bạch thủ tục hành chính được đặt ra nghiêm túc, gắn liền với trách nhiệm của cơ quan nhà nước và người đứng đầu các cơ quan này. Để tạo điều kiện thuận lợi cho Bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện công bố, công khai thủ tục hành chính và rà soát, chuẩn hóa bộ thủ tục hành chính, Bộ Tư pháp cũng đã nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và xây dựng Hệ thống quản lý và đánh giá về thủ tục hành chính để áp dụng công nghệ thông tin cho toàn bộ hoạt động này.

² Nếu một Bộ, cơ quan ngang Bộ chậm ban hành quyết định công bố sẽ kéo theo các địa phương cũng chậm ban hành quyết định công bố và ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thực thi quy định về thủ tục hành chính

³ Gồm: Bộ Công Thương, Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế, Thanh tra Chính phủ, Ủy ban dân tộc, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

⁴ Gồm: Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Dương, Cà Mau, Đắk Nông, Đồng Tháp, Gia Lai, Hà Nam, Hà Tĩnh, Kiên Giang, Kon Tum, Lào Cai, Long An, Quảng Bình, Quảng Nam, Phú Thọ, Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Quảng Trị, Sóc Trăng, Tiền Giang, Thanh Hóa, TP. Hồ Chí Minh, Tuyên Quang, Vĩnh Long.

Thời gian tới, Bộ Tư pháp tiếp tục theo dõi, nắm bắt tình hình và đôn đốc hoặc tham mưu đề Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ, ngành thực hiện nghiêm túc quy định về công bố thủ tục hành chính và Quyết định số 08/QĐ-TTg. Bộ Tư pháp tin tưởng với sự quan tâm, thực hiện nghiêm túc của các Bộ, ngành, công tác công bố thủ tục hành chính sẽ có những chuyển biến tích cực trong thời gian tới.

VI. LĨNH VỰC TỔ CHỨC CÁN BỘ

1. Đề nghị Bộ Tư pháp hàng năm hỗ trợ địa phương kinh phí, tài liệu để mở các lớp bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm công tác tư pháp từ tỉnh đến cơ sở, trong đó chú trọng một số lĩnh vực có nhiều khó khăn, vướng mắc và lĩnh vực mới được giao cho ngành Tư pháp (UBND tỉnh Tuyên Quang).

Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn, chỉ đạo sát sao về nghiệp vụ, đồng thời có kế hoạch tập huấn cho các cơ quan Tư pháp địa phương về những nội dung có nhiều vướng mắc, bất cập như: công chứng, chứng thực giao dịch hợp đồng... (UBND tỉnh Quảng Ninh).

Trả lời:

Theo quy định của Chính phủ về phân cấp quản lý kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức thì nguồn kinh phí đào tạo bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ công chức làm công tác tư pháp tại địa phương được cấp theo dự toán ngân sách hàng năm do UBND tỉnh trình Chính phủ. Do đó, để thường xuyên tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương, nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác Hộ tịch, đề nghị các Sở Tư pháp chủ động xây dựng Kế hoạch, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ báo cáo UBND tỉnh xem xét, phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh đã được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh.

Bên cạnh đó, hàng năm, trên cơ sở nguồn kinh phí được cấp để tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ và cử cán bộ, công chức của Bộ Tư pháp đi đào tạo, bồi dưỡng, Bộ Tư pháp đã phối hợp với các địa phương tổ chức mở lớp bồi dưỡng cho cán bộ tư pháp, như các Phòng Tư pháp tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh; cử giảng viên là công chức của Bộ và hỗ trợ 01 phần kinh phí (gồm chi phí mời giảng viên và tài liệu học tập) để phối hợp với các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn để tổ chức mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo thẩm quyền cho công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã. Riêng đối với tỉnh Tuyên Quang, năm 2011, Bộ Tư pháp đã phối hợp với địa phương tổ chức 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã.

Năm 2015, theo Kế hoạch đã được phê duyệt, Bộ Tư pháp dự kiến tổ chức mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã tại các tỉnh: Ninh Thuận, Quảng Ngãi, Lào Cai, Bắc Kạn, Bắc Giang, Nghệ An trên cơ sở nguồn kinh phí cấp để triển khai Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính Phủ ngày 27/12/2008 về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo. Đối với tỉnh Tuyên Quang, do không có huyện nghèo theo

Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ nên năm 2015 Bộ Tư pháp không thực hiện việc tổ chức các lớp bồi dưỡng cho cán bộ tư pháp cơ sở.

Trong những năm tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, xây dựng kế hoạch và báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, hỗ trợ mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức làm công tác Tư pháp tại địa phương.

2. Để kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch đáp ứng tiêu chuẩn, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của Luật Hộ tịch, đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Nội vụ kiến nghị Thủ tướng Chính phủ quan tâm bố trí ít nhất 02 công chức chuyên trách làm công tác Tư pháp - Hộ tịch ở cấp xã (UBND tỉnh Quảng Trị).

Trả lời:

Nhằm chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Luật Hộ tịch, ngày 15/01/2015, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 59/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai luật Hộ tịch, trong đó, một trong những nhiệm vụ quan trọng được xác định trong Kế hoạch là: rà soát, đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ hộ tịch, kiện toàn đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch, trong đó có đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã đáp ứng các tiêu chuẩn bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao trong Luật Hộ tịch. Kế hoạch cũng xác định rõ trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương trong việc kiện toàn đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch trên cả nước. Triển khai thực hiện Kế hoạch, hiện nay Bộ Tư pháp đang phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương thực hiện việc rà soát đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch, trên cơ sở kết quả rà soát, trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Nội vụ, các Bộ, ngành, địa phương để có những giải pháp kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác hộ tịch đủ về số lượng và đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ, trước mắt quyết tâm hoàn thành việc chuẩn hóa đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch trong giai đoạn chuyển tiếp 2015-2020 theo quy định của Luật Hộ tịch.

Liên quan đến việc bố trí đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã, hiện nay, việc bố trí đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như: Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐT&XH ngày 27/5/2010 giữa Bộ Nội vụ, Bộ Tài Chính, Bộ Lao động, Thương binh và Xã Hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP; Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV ngày 22/12/2014 giữa Bộ Tư pháp và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tư pháp thuộc UBND quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh..., trong đó có quy định việc bố trí số lượng công chức cấp xã cần ưu tiên bố trí bổ thêm cho chức danh Tư pháp - Hộ tịch, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, không bố trí công chức Tư pháp - Hộ tịch kiêm nhiệm công tác khác.

Với vai trò là Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, trong thời gian qua Bộ Tư pháp rất quan tâm tới việc kiện toàn tổ chức, cán bộ các cơ quan tư pháp địa phương, Bộ đã có nhiều văn bản đề nghị các địa phương quan tâm củng cố, kiện toàn cơ quan tư pháp địa phương, đặc biệt là đội ngũ công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã như: Công văn số 60-CV/BCS ngày 06/10/2009 và Công văn số 74-CV/BCSĐ ngày 19/7/2010 của Ban cán sự Đảng Bộ Tư pháp; Công văn số 5046/BTP-TCCB ngày 25/8/2011 của Bộ Tư pháp..., hàng năm, Bộ Tư pháp đều thực hiện rà soát, tổng hợp tình hình tổ chức – cán bộ các cơ quan tư pháp địa phương để kịp thời kiến nghị, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền quan tâm bố trí, kiện toàn tổ chức, biên chế các cơ quan tư pháp địa phương. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, hiện nay Bộ Tư pháp cũng đang xây dựng, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ trong tháng 11/2015 đối với Đề án về các giải pháp tổng thể kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân lực ngành Tư pháp đến năm 2020. Đây là văn bản quan trọng trong việc kiện toàn tổ chức, cán bộ ngành Tư pháp, trong đó có đội ngũ công chức Tư pháp - Hộ tịch.

Bộ Tư pháp cũng đề nghị UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó có UBND tỉnh Quảng Trị tiếp tục quan tâm, chỉ đạo rà soát trong tổng thể biên chế được giao để có biện pháp sắp xếp, chuyển đổi và bổ sung biên chế cho các cơ quan tư pháp, đảm bảo số lượng biên chế cần thiết theo quy định của Thông tư liên tịch số 23/2014/TTLT-BTP-BNV; chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí cán bộ đúng tiêu chuẩn theo quy định, không kiêm nhiệm công tác khác, phân đầu mỗi cấp xã có 02 công chức Tư pháp - Hộ tịch và có đủ các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao, nhất là triển khai thi hành Luật Hộ tịch.

VII. LĨNH VỰC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

1. *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu sửa đổi Thông tư 20/2013/TT-BTP, việc thống kê ước tính số liệu 2 tháng cuối sẽ dẫn đến một số nội dung không phù hợp, cụ thể Mẫu 01 về Số lượng Nghị quyết của HĐND được ban hành (cột số 6) không hợp lý vì HĐND thường họp vào tháng 6, 12 hàng năm nên số lượng Nghị quyết ban hành không thể ước lượng theo số lượng ban hành trung bình của các tháng. Do đó, nếu xác định theo cách tính của Thông tư số 20 (tính 4 tháng đầu và ước tính 2 tháng cuối) thì sẽ không có tỉnh, thành phố nào có Nghị quyết tại báo cáo 6 tháng hoặc số lượng báo cáo cuối năm (lần 1) sẽ thấp hơn so với thực tế vì chỉ tính được số Nghị quyết của kỳ họp HĐND vào tháng 6. Đối với Mẫu số 02, tương tự Mẫu số 01 cách xác định số lượng Nghị quyết của HĐND được thẩm định cũng không hợp lý vì số lượng Nghị quyết được thẩm định 6 tháng đầu năm thường rơi vào tháng 5 hoặc tháng 6 (gần kỳ họp HĐND). Do đó, việc lấy số liệu Nghị quyết của 4 tháng đầu làm cơ sở để ước lượng số lượng 2 tháng cuối của kỳ báo cáo là không hợp lý (UBND thành phố Đà Nẵng).*

Trả lời:

Bộ Tư pháp giải thích về việc quy định sử dụng số liệu thống kê ước tính tại Thông tư số 20/2013/TT-BTP như sau:

- Thứ nhất, về mặt pháp lý, việc quy định sử dụng số liệu thống kê ước tính để phục vụ hoạt động quản lý của Ngành Tư pháp tại Thông tư số 20/2013/TT-BTP dựa trên cơ sở Quyết định số 34/2013/QĐ-TTg ngày 04/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chính sách phổ biến thông tin thống kê nhà nước (trong đó quy định rõ ba loại số liệu thống kê là số liệu thống kê sơ bộ, ước tính và chính thức, những loại số liệu này được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sử dụng để phục vụ các mục đích quản lý khác nhau và được công bố, phổ biến theo quy định).

- Thứ hai, về mặt thực tiễn sử dụng số liệu thống kê ước tính ở nước ta: số liệu thống kê ước tính là một trong ba loại số liệu thống kê thông dụng được cơ quan thống kê trung ương sử dụng trong nhiều năm qua để tính các chỉ số thống kê trong những thời điểm cần thiết, phục vụ cho đánh giá kết quả phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ, Quốc hội hàng năm và dài hạn. Thống kê ước tính cũng đang được đa số các Bộ, ngành áp dụng và quy định tại chế độ báo cáo thống kê của Bộ, ngành mình như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính,...

- Thứ ba, việc Thông tư số 20/2013/TT-BTP quy định áp dụng phương pháp chuyên môn thống kê để ước tính số liệu thống kê trong kỳ báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần một là bước đổi mới trong công tác thống kê của Ngành, đảm bảo áp dụng các phương thức thống kê theo đúng quy chuẩn của thống kê hiện hành, góp phần đa dạng hóa “đầu ra” của sản phẩm thông tin thống kê, giúp cung cấp những thông tin thống kê kịp thời phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành, công tác sơ kết, tổng kết Ngành và các mục đích sử dụng thông tin thống kê khác nhau của Bộ, ngành.

(Những thông tin liên quan đến lý do sử dụng số liệu thống kê ước tính đã được nêu chi tiết trong Cuốn Tài liệu tập huấn triển khai Thông tư số 20/2013/TT-BTP của Bộ Tư pháp)

Thông tư số 20/2013/TT-BTP đã hướng dẫn rất rõ hai phương pháp để tính số liệu thống kê ước tính là: đơn vị báo cáo có thể căn cứ vào phương pháp chuyên môn thống kê hoặc căn cứ vào tình hình thực tế hoạt động của cơ quan, địa phương mình trong từng lĩnh vực để ước tính số liệu trong kỳ báo cáo.

Cụ thể, khoản 3 Điều 6 Thông tư số 20/2013/TT-BTP hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp và Phụ lục IV hướng dẫn về phương pháp ước tính số liệu thống kê được ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP đã quy định phương pháp ước tính số liệu trong kỳ báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần một (được tính theo phương pháp bình quân số học giản đơn), tại Phụ lục IV cũng đã quy định rõ “Số liệu thống kê là yếu tố động, gắn với thực tiễn nên không thể đơn thuần xác định bằng các công thức toán học mà còn phải dựa vào yếu tố thực tiễn đặc thù quản lý nhà nước trong lĩnh vực thống kê được ước tính”. Do vậy, đối với trường hợp thống kê theo các biểu số 01 và 02 của Thông tư số 20/2013/TT-BTP thì nếu sử dụng phương pháp chuyên môn thống kê để ước tính (công thức tính bình quân số học giản đơn) mà không phù hợp thì các cơ quan, địa phương vẫn có thể căn cứ vào tình hình thực

tiền của cơ quan, địa phương mình để ước tính số liệu. Cụ thể là đối với hoạt động soạn thảo, ban hành và thẩm định văn bản thì địa phương hoàn toàn có thể căn cứ vào số lượng văn bản quy phạm pháp luật dự kiến trình ban hành theo Kế hoạch ban hành văn bản QPPL hàng năm của địa phương (trong đó có dự kiến số lượng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân) và tình hình thực tế triển khai Kế hoạch đó cũng như thực tế soạn thảo, ban hành văn bản QPPL của địa phương trong năm để thực hiện ước tính, đảm bảo sát với thực tiễn.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp triển khai xây dựng phần mềm về chế độ thông tin, báo cáo trong các lĩnh vực Tư pháp đến địa phương để hỗ trợ công tác báo cáo được thuận lợi, chính xác, tiết kiệm được thời gian, nhân lực (UBND thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động báo cáo thống kê là một trong những chủ trương quan trọng của Bộ Tư pháp trong giai đoạn hiện nay. Bộ Tư pháp đã xây dựng và tổ chức triển khai Đề án ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác thống kê Ngành Tư pháp (được ban hành theo Quyết định số 298/QĐ-BTP ngày 08/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp). Trong đó tập trung vào nhiệm vụ xây dựng phần mềm báo cáo thống kê Ngành Tư pháp theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP và đã hoàn thành giai đoạn I - áp dụng đến các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp. Theo đúng như lộ trình tại Đề án nói trên thì đến 2016 phần mềm này sẽ ứng dụng tại các Sở Tư pháp. Tuy nhiên, trong điều kiện thể chế về công tác tư pháp trên một số lĩnh vực quan trọng như hộ tịch, chứng thực, xây dựng và ban hành văn bản QPPL,... có những thay đổi đáng kể, đã đặt ra yêu cầu phải sửa đổi bổ sung các văn bản QPPL về thống kê của Ngành, vì vậy Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã chỉ đạo triển khai việc nghiên cứu sửa đổi Thông tư số 20/2013/TT-BTP. Do đó, hiện tại việc xây dựng Phần mềm báo cáo thống kê ngành Tư pháp theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP đang tạm dừng và sẽ được bổ sung, chỉnh lý, hoàn thiện, đưa vào sử dụng sau khi Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 20/2013/TT-BTP được ban hành để phù hợp với yêu cầu về nội dung của Thông tư này.

Cũng cần nói thêm là do việc xây dựng phần mềm báo cáo thống kê đòi hỏi chi phí nhiều thời gian vật chất, nên trong khi chờ hoàn thành phần mềm nêu trên, năm 2014, Bộ Tư pháp đã chủ động xây dựng hệ thống biểu mẫu thống kê điện tử theo quy định tại Thông tư số 20/2013/TT-BTP trên phần mềm excel nhằm tăng cường giải pháp hỗ trợ về kỹ thuật cho các đơn vị trong quá trình lập báo cáo thống kê theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP, giúp tăng cường tính chính xác, kịp thời của nội dung báo cáo thống kê.⁵ Hệ thống biểu mẫu thống kê điện tử này đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp

⁵ Công văn số 265/BTP-KHTC ngày 26/01/2015 gửi Thủ trưởng pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc hướng dẫn thực hiện biểu mẫu báo cáo thống kê điện tử theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP.

(http://moj.gov.vn/huongdannv/Lists/TaiLieuNghiepVu/View_Detail.aspx?ItemId=441).

3. Về đề nghị nghiên cứu, chuẩn hóa công tác báo cáo, thống kê Ngành Tư pháp, theo đó cần rà soát, thống nhất yêu cầu về thời gian, nội dung báo cáo công tác pháp chế cùng thời điểm, nội dung và tập trung trong cùng 1 báo cáo, hạn chế tối đa việc báo cáo đột xuất nhưng lại yêu cầu thực hiện thường xuyên (như công tác kiểm tra văn bản QPPL); đồng thời đề nghị Bộ Tư pháp thống nhất một báo cáo chung về công tác pháp chế, tránh tình trạng các đơn vị tham mưu của Bộ Tư pháp có nhiều công văn đề nghị báo cáo đối với các nghiệp vụ pháp chế riêng lẻ như: tuyên truyền, phổ biến pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, pháp điển, hợp nhất... (Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

Trả lời:

Việc chuẩn hóa công tác báo cáo, thống kê của ngành Tư pháp theo hướng thống nhất về thời gian báo cáo và không chồng chéo về nội dung là một trong những chủ trương của Bộ Tư pháp trong quá trình chỉ đạo, điều hành việc triển khai công tác tư pháp hiện nay. Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã chỉ đạo Vụ Kế hoạch – Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ rà soát, nghiên cứu, đề xuất phương án, giải pháp chuẩn hóa công tác báo cáo, thống kê của ngành Tư pháp; và hoạt động này đang được Bộ khẩn trương triển khai. Tuy nhiên, việc chuẩn hóa chế độ thông tin báo cáo, thống kê là vấn đề lớn, khá phức tạp vì toàn bộ chế độ báo cáo, thống kê hiện nay của ngành Tư pháp đều dựa trên quy định của các văn bản quy phạm pháp luật (*Luật, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ Tư pháp, Thông tư liên tịch,...*) trong đó phần lớn các văn bản QPPL đều quy định về trách nhiệm báo cáo của Bộ Tư pháp với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trách nhiệm báo cáo của các Bộ, ngành, địa phương với Bộ Tư pháp theo những nội dung, thời điểm báo cáo cụ thể, phù hợp với yêu cầu đặc thù của quản lý nhà nước về công tác tư pháp trên từng lĩnh vực. Do phạm vi vấn đề nghiên cứu rất rộng, trên nhiều lĩnh vực khác nhau về công tác tư pháp nên đòi hỏi sự tham gia của nhiều cơ quan, tổ chức và nhất là đụng chạm đến rất nhiều văn bản QPPL hiện hành, trong đó có không ít văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của cấp trên (Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ), vì vậy về nguyên tắc Bộ Tư pháp rất nhất trí với kiến nghị của một số Bộ, ngành, địa phương về việc cải tiến chế độ thông tin, báo cáo, thống kê trong công tác tư pháp, nhưng đây là vấn đề lớn nên không thể hoàn thành trong một thời gian ngắn mà cần có thời gian, lộ trình nhất định.

Liên quan đến những thắc mắc, kiến nghị của một số bộ ngành, địa phương về chế độ báo cáo, thống kê, Bộ Tư pháp xin trả lời và thông tin về một số vấn đề cụ thể như sau:

(1) **Thứ nhất**, về yêu cầu hạn chế việc báo cáo đột xuất nhưng lại yêu cầu thực hiện thường xuyên (như công tác kiểm tra văn bản QPPL).

Việc báo cáo hàng tháng trong lĩnh vực kiểm tra văn bản là thực hiện theo yêu cầu của Chính phủ giao cho Bộ Tư pháp thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 24/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ (về việc ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 75/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XIII đối với việc triển khai thi hành Hiến pháp; công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và kiểm soát thủ tục hành chính) nhằm mục đích phục vụ phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng, giúp Chính phủ kịp thời chỉ đạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL của các Bộ, cơ quan ngang Bộ nhằm thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng công tác xây dựng, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật và kiểm soát thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị quyết số 75/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội.

Việc thực hiện báo cáo thường xuyên hàng tháng về công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL đã được Bộ Tư pháp phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ triển khai thực hiện từ tháng 8/2014. Tuy nhiên, qua thực tế triển khai thực hiện, nhiều Bộ, cơ quan ngang Bộ phản ánh về Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ việc hàng tháng phải báo cáo về tình hình kiểm tra, xử lý văn bản QPPL là khó khả thi do gặp khó khăn về thời gian, nhân lực trong điều kiện phải thực hiện nhiều nhiệm vụ khác nên trên thực tế, từ tháng 01/2015 đến nay, Bộ Tư pháp đã tạm dừng thực hiện yêu cầu báo cáo hàng tháng về công tác kiểm tra, xử lý văn bản QPPL của các Bộ, cơ quan ngang Bộ (chỉ thực hiện báo cáo hàng tháng về công tác này tại Bộ Tư pháp). Hiện tại, Văn phòng Chính phủ cũng chưa có thông báo chính thức ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ báo cáo hàng tháng nêu trên. Để phù hợp với tình hình thực tế, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ có giải pháp khác phù hợp hơn trong việc nắm thông tin về tình hình kiểm tra, xử lý văn bản QPPL của các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

(2) **Thứ hai, về vấn đề thống nhất hệ thống báo cáo, tránh tình trạng cùng một nội dung nhưng phải thực hiện báo cáo nhiều đơn vị của Bộ Tư pháp (ví dụ một số hoạt động đã báo cáo chuyên đề như kiểm tra, rà soát văn bản, ... lại còn phải báo cáo theo quy định của Thông tư số 20/2013/TT-BTP).**

Theo quy định của pháp luật, hệ thống báo cáo hiện nay thuộc thẩm quyền của Bộ Tư pháp được tạm chia làm 3 loại:

- Loại Báo cáo tổng hợp chung nhiều lĩnh vực công tác, thường để phục vụ sơ kết, tổng kết công tác tư pháp hàng năm; (1)
- Loại Báo cáo chuyên đề về một hoặc một nhóm lĩnh vực công tác tư pháp, phục vụ việc đánh giá triển khai công tác theo từng lĩnh vực hoặc nhóm lĩnh vực về công tác tư pháp theo quy định của pháp luật; (2)
- Báo cáo thống kê (kèm theo hệ thống các biểu mẫu thống kê theo từng lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác tư pháp). (3)

Hai loại báo cáo tổng hợp (1) và chuyên đề (2) được thể hiện bằng hình thức ký tự chữ, kết hợp số liệu để thuyết minh cho các quan điểm, nhận định, phân tích được thể hiện trong các loại báo cáo chữ đó. Riêng báo cáo thống kê (3) được thể hiện bằng hình thức ký tự số (với những yêu cầu đặc thù về thể thức, về chuyên môn theo pháp luật thống kê). Xét dưới dạng mục đích, thì những số liệu được chiết xuất từ báo cáo thống kê sẽ được sử dụng làm cơ sở phân tích, chứng minh những luận điểm, nhận định của các báo cáo tổng hợp, báo cáo chuyên đề về công tác tư pháp và phục vụ nhiều mục đích khác của quản lý Ngành, quản lý kinh tế-xã hội ở tầm quốc gia,...

Với những đặc điểm như vậy, nên trong lĩnh vực công tác tư pháp tuy các loại thông tin từ các loại báo cáo nói trên có thể bổ sung cho nhau, phục vụ lẫn nhau (nhất là các thông tin từ báo cáo thống kê và báo cáo chuyên đề phải phục vụ cho báo cáo tổng hợp), nhưng không thể nhập tất cả các nội dung có trong báo cáo thống kê, báo cáo tổng hợp, báo cáo chuyên đề vào trong cùng một báo cáo mà mỗi loại báo cáo phải đáp ứng yêu cầu riêng về nội dung, thời gian, thể thức. Vấn đề thể hiện nội dung thông tin - báo cáo dưới các dạng báo cáo khác nhau không phải là yêu cầu đặc thù của ngành Tư pháp mà cũng là yêu cầu thông tin báo cáo chung trong bộ máy hành chính, thể hiện trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của từng Bộ, ngành.

(3) Về kiến nghị nên thống nhất một báo cáo chung về công tác pháp chế đối với các Bộ, tránh tình trạng các đơn vị tham mưu của Bộ Tư pháp có nhiều công văn đề nghị riêng lẻ như: Phổ biến GDPL, pháp điển...

Việc thống nhất các nội dung vào một báo cáo chung tổng hợp là việc Bộ Tư pháp vẫn thường xuyên yêu cầu, hướng dẫn các bộ, cơ quan ngang bộ (pháp chế) trong các kỳ sơ kết, tổng kết công tác tư pháp. Định kỳ sơ kết, tổng kết công tác tư pháp hàng năm, nội dung báo cáo của các bộ, ngành về công tác pháp chế gửi Bộ Tư pháp rất tổng quát với hơn nhiều nhóm nhiệm vụ, như: xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, xử lý văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật, kiểm soát thủ tục hành chính, xử lý vi phạm hành chính, phổ biến, giáo dục pháp luật, bồi thường nhà nước.... Trên thực tế một số năm vừa qua, khi Bộ Tư pháp nhận được báo cáo từ các cơ quan gửi về thì có một số báo cáo có nội dung đánh giá rất chung chung, không bám sát các nhiệm vụ được giao theo quy định của các Luật, Pháp lệnh, Nghị định chuyên ngành, bên cạnh đó một số báo cáo không cung cấp đầy đủ kết quả, thông tin số liệu theo biểu mẫu thống kê nên phía Bộ Tư pháp không thể nắm được đầy đủ, chính xác kết quả, thông tin về lĩnh vực chuyên ngành từ các Bộ, ngành để tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo đúng yêu cầu. Vì thế, một số đơn vị quản lý chuyên môn thuộc Bộ đã tham mưu lãnh đạo Bộ đề nghị các Bộ, ngành có báo cáo riêng về một số lĩnh vực chuyên đề như phổ biến, giáo dục pháp luật, kiểm tra văn bản, kiểm soát thủ tục hành chính...

Bên cạnh đó, trong khuôn khổ một số chương trình, đề án có mục tiêu, yêu cầu và nhiệm vụ riêng, không gắn với các hoạt động thường xuyên hàng năm nên theo yêu cầu của các chương trình, đề án đó, các Bộ, ngành được giao nhiệm vụ triển khai chương trình, đề án có trách nhiệm báo cáo theo quy định chung để tổng hợp kết quả báo cáo Thủ tướng Chính phủ⁶.

Về lâu dài, trên cơ sở kiến nghị của các Bộ, ngành, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu để có giải pháp thuận lợi, hiệu quả nhất trong thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác pháp chế.

(4) **Thứ tư**, Bộ Tư pháp xin cung cấp *một số thông tin cụ thể về tình hình cải tiến chế độ báo cáo của Bộ Tư pháp hiện nay*:

- Trong lĩnh vực **kiểm soát thủ tục hành chính**:

Chế độ báo cáo tình hình thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính đã được các Bộ, ngành, địa phương thực hiện từ năm 2011, đến nay, chế độ báo cáo này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20/2013/TT-BTP và Thông tư số 05/2013/TT-BTP, theo đó, một năm có 02 kỳ báo cáo tương ứng với 03 lần gửi (*báo cáo 6 tháng, năm lần 1 và năm chính thức*), nội dung báo cáo phản ánh tại 7 biểu mẫu (số liệu) và phần báo cáo bằng chữ viết. Nội dung và hình thức báo cáo đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về kiểm soát thủ tục hành chính, không chồng chéo, trùng lặp với các nội dung khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ. Bên cạnh đó, trong năm 2014 và 6 tháng đầu năm 2015, các Bộ, ngành, địa phương chỉ thực hiện báo cáo sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức thực hiện Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính (*Công văn số 2501/BTP-KSTT ngày 29/5/2014 của Bộ Tư pháp*).

Để tạo thuận lợi cho các Bộ, ngành, địa phương trong việc thực hiện chế độ báo cáo, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính – Bộ Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, xây dựng Hệ thống quản lý và đánh giá về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, trong đó có phân hệ Báo cáo (*gồm các chức năng hỗ trợ công tác cập nhật số liệu báo cáo, tổng hợp, kết xuất số liệu báo cáo và quản lý các đợt báo cáo theo quy định; thực hiện trực tuyến và kết nối tới các đơn vị giải quyết thủ tục hành chính các cấp chính quyền*). Theo Kế hoạch, từ tháng 8/2015, Hệ thống sẽ chính thức được đưa vào hoạt động, các Bộ, ngành, địa phương sẽ thực hiện báo cáo điện tử gửi về Cục Kiểm soát thủ tục hành chính để phục vụ công tác quản lý và chỉ đạo điều hành.

- Trong lĩnh vực **bồi thường nhà nước**:

⁶ Ví dụ: Đề án tăng cường công tác PBGDPL nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh thiếu niên giai đoạn 2011 – 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 2160/QĐ-TTg ngày 26/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Bộ Tư pháp có trách nhiệm giúp Chính phủ phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao định kỳ hàng năm xây dựng báo cáo về công tác bồi thường nhà nước trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội khi có yêu cầu. Bộ Tư pháp đã tham mưu xây dựng báo cáo của Chính phủ về công tác bồi thường nhà nước để trình Quốc hội tại các Kỳ họp thứ 4, 6, 8 (các năm 2012, 2013, 2014) trong hoạt động: quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án.

Để phục vụ tốt hơn cho công tác báo cáo thống kê ngành Tư pháp, cũng như tạo thuận lợi cho Bộ, ngành, địa phương, thống nhất thời điểm chốt số liệu và không phải thực hiện báo cáo nhiều lần, hiện nay Bộ Tư pháp đang tiến hành sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2013/TT-BTP ngày 31/01/2013 hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, trong đó thời điểm chốt số liệu thống kê về bồi thường trong nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính được dự kiến sửa đổi theo hướng phù hợp với thời điểm chốt số liệu trong hoạt động tố tụng và thi hành án⁷: thời điểm chốt số liệu báo cáo 6 tháng (từ ngày 01/10 năm trước đến ngày 31/3 của năm báo cáo); báo cáo hàng năm (từ ngày 01/10 năm trước đến ngày 30/9 của năm báo cáo). Như vậy, các Bộ, ngành, địa phương chỉ phải thực hiện báo cáo công tác bồi thường nhà nước 02 lần trong năm (báo cáo 6 tháng và báo cáo 01 năm). Do có những điểm đặc thù về phạm vi đối tượng quản lý, về thời điểm chốt số liệu thống kê để phục vụ báo cáo Quốc hội, nên dự kiến việc báo cáo số liệu thống kê sẽ được hướng dẫn theo các biểu thống kê kèm theo Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2013/TT-BTP nói trên (*thay thế các biểu thống kê về Bồi thường nhà nước trong Thông tư số 20/2013/TT-BTP và các biểu tổng hợp có chứa yêu cầu về số liệu thống kê theo Thông tư số 03/2013/TT-BTP*).

- Trong lĩnh vực **thống kê Ngành Tư pháp**:

Trong thời gian vừa qua Bộ Tư pháp đã rất nỗ lực trong việc chuẩn hóa công tác báo cáo thống kê, thể hiện qua việc ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về thống kê trong Ngành Tư pháp. Hiện tại, Bộ, Ngành Tư pháp có 03 Thông tư quy định về thống kê, trong đó 01 Thông tư quy định chung về công tác thống kê đối với 21 lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp và 02 Thông tư chuyên ngành quy định về thống kê trong lĩnh vực thi hành án dân sự, cụ thể gồm:

⁷ Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-BTP-BQP ngày 01/02/2013 hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động thi hành án dân sự; Thông tư số 11/2013/TTLT-BCA-BQP-BTP-VKSNDTC-TANDTC ngày 06/11/2013 hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động thi hành án hình sự; Thông tư liên tịch số 22/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT ngày 21/11/2014 hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động tố tụng, thời điểm chốt số liệu từ ngày 01/10 năm trước đến ngày 31/3 của năm báo cáo (báo cáo 6 tháng) từ ngày 01/10 năm trước đến ngày 30/9 của năm báo cáo (báo cáo năm).

+ Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của Ngành Tư pháp (với 110 biểu mẫu báo cáo thống kê)

+ Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự và mới đây Bộ trưởng Bộ Tư pháp vừa ký ban hành Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP (kèm theo 19 biểu mẫu báo cáo thống kê thi hành án dân sự).

Như đã thông tin, sau một năm triển khai thực hiện Thông tư 20/2013/TT-BTP, để kịp thời đáp ứng những yêu cầu mới trong quy định của pháp luật về thống kê, đáp ứng những thay đổi trong một số lĩnh vực pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý nhà nước về công tác tư pháp và để đáp ứng yêu cầu quản lý Ngành trong điều kiện hiện tại, nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các Bộ, ngành, địa phương trong công tác báo cáo thống kê Bộ Tư pháp đang nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Thông tư 20/2013/TT-BTP. Nội dung Dự thảo Thông tư này sẽ được xây dựng theo hướng đơn giản hệ thống biểu mẫu báo cáo, chỉ tập trung chủ yếu phục vụ cho công tác sơ kết và tổng kết năm trong các lĩnh vực công tác tư pháp và tối đa hóa việc báo cáo bằng hình thức điện tử.

4. Hiện nay Bộ Tư pháp yêu cầu các Bộ, ngành xây dựng quá nhiều loại Kế hoạch nhưng không có cơ sở pháp lý về việc xây dựng Kế hoạch này, như Kế hoạch về quản lý công tác xử lý vi phạm hành chính hàng năm. Một số loại Kế hoạch có nội dung trùng lặp (Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật chung và Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính...) hoặc nhiều kế hoạch không thực tiễn vì nội dung nhỏ và đã gắn với hoạt động chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị (kế hoạch thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị...; kế hoạch sơ kết Nghị định 59 về theo dõi thi hành pháp luật...). Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu giám bớt chỉ yêu cầu các Bộ, ngành xây dựng các Kế hoạch đối với các công việc mà văn bản quy phạm pháp luật có liên quan không yêu cầu phải xây dựng Kế hoạch quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật (Ngân hàng nhà nước Việt Nam).

Trả lời:

4.1. Về ý kiến: “Bộ Tư pháp yêu cầu các Bộ, ngành xây dựng quá nhiều loại kế hoạch nhưng không có cơ sở pháp lý về việc xây dựng các loại Kế hoạch này”.

Trong hoạt động quản lý ở bất kỳ lĩnh vực, phạm vi và cấp độ nào, kế hoạch công tác có vai trò hết sức quan trọng. Kế hoạch là cơ sở, đồng thời là công cụ để quản lý, điều hành; là thước đo khách quan để đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các đối tượng được giao nhiệm vụ. Căn cứ vào kế hoạch, chủ thể quản lý mới có phương án phù hợp để huy động và cân đối, phân bổ nguồn lực (nhân lực, cơ sở vật chất, kinh phí) để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ, hướng tới mục tiêu đã định. Việc xây dựng kế hoạch công tác xuất phát từ nhu cầu quản lý điều

hành của chủ thể quản lý, không phụ thuộc vào việc có văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính quy định việc xây dựng kế hoạch đó hay không. Nói cách khác, không nhất thiết phải có căn cứ pháp lý mới được xây dựng hoặc yêu cầu/đề nghị xây dựng kế hoạch công tác.

Những năm gần đây, quán triệt phương châm “quản lý bằng kế hoạch và trên cơ sở kế hoạch”, Lãnh đạo Bộ Tư pháp luôn quan tâm, chỉ đạo xây dựng các kế hoạch công tác, nhất là kế hoạch công tác theo lĩnh vực chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành Tư pháp để triển khai thực hiện nhiệm vụ trong toàn Ngành. Tùy theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chuyên môn, ở phần tổ chức thực hiện những kế hoạch đó, Bộ Tư pháp thường yêu cầu/đề nghị các Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị trong ngành Tư pháp tiếp tục xây dựng kế hoạch để triển khai nhiệm vụ, bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong toàn quốc. Những yêu cầu/đề nghị này là hoàn toàn hợp lý và cần thiết, bởi mỗi Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị có phạm vi triển khai nhiệm vụ khác nhau và có những điều kiện đặc thù riêng mà kế hoạch công tác của Bộ Tư pháp không thể bao quát hết được. Tùy từng trường hợp cụ thể, các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị có thể xây dựng kế hoạch riêng để triển khai nhiệm vụ hoặc ghép phương án triển khai nhiều nhóm nhiệm vụ vào chung một kế hoạch.

4.2. Về ý kiến: “Một số loại Kế hoạch có nội dung trùng lặp (Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật chung và Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính...)”.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật, thì các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Ngày 29/12/2014, Bộ Tư pháp có Công văn số 1347/BTP-QLXLVPHC&TDTHPL gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ về việc xây dựng Kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

Hai kế hoạch trên là khác nhau. Tuy nhiên, để bảo đảm tính thống nhất, hiệu quả, và giảm bớt thủ tục hành chính, các Bộ, ngành, địa phương có thể ban hành kế hoạch chung, trong đó bao gồm nội dung kế hoạch về công tác theo dõi thi hành pháp luật và nội dung kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; không nhất thiết phải xây dựng hai kế hoạch riêng cho hai nhóm nhiệm vụ này.

4.3. Về ý kiến: “Nhiều loại kế hoạch không thực tiễn vì nội dung nhỏ và đã gắn với hoạt động chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị (ví dụ Kế hoạch thực hiện Đề án “Đẩy mạnh phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị...)”.

Đề án “Đẩy mạnh phổ biến nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị và pháp luật Việt Nam về các quyền dân sự, chính trị cho

cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân giai đoạn 2015-2020” được ban hành ngày 11/3/2015 theo Quyết định số 452/QĐ-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. Do Đề án được phê duyệt sau khi đã có Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2015, nên để bảo đảm Đề án được triển khai thống nhất, hiệu quả ngay trong năm đầu tiên, Bộ Tư pháp đã có văn bản đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án. Khi triển khai các hoạt động trọng tâm của Đề án, các Bộ, ngành, địa phương cần thực hiện lồng ghép trong triển khai các hoạt động phổ biến pháp luật xác định tại kế hoạch chung về PBGDPL của Bộ, ngành, địa phương để tiết kiệm nguồn lực.

Tuy nhiên, để khắc phục tình trạng ban hành quá nhiều kế hoạch trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật nói riêng và kế hoạch công tác tư pháp nói chung, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu đề hướng dẫn đổi mới công tác xây dựng kế hoạch theo hướng xây dựng kế hoạch tổng thể về công tác tư pháp nói chung, trong đó có các lĩnh vực cụ thể. Đối với việc triển khai một số đề án, văn bản đột xuất thì Bộ Tư pháp sẽ có hướng dẫn cách thức xây dựng các kế hoạch một cách cụ thể, có thể đề xuất xây dựng kế hoạch riêng cho năm đầu tiên triển khai đề án, văn bản còn các năm tiếp theo thì đưa vào kế hoạch chung về công tác tư pháp của các bộ, ngành, địa phương.

VIII. LĨNH VỰC HỘ TỊCH, QUỐC TỊCH, CHỨNG THỰC

1. *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các ngành có liên quan ở Trung ương khẩn trương hướng dẫn thống nhất việc thực hiện chứng thực đối với các hợp đồng, văn bản giao dịch về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình theo quy định tại Khoản 1, Điều 64 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, vì hiện nay ở địa phương còn nhiều ý kiến khác nhau trong việc xác định các thành viên trong hộ gia đình tham gia các giao dịch dân sự (UBND tỉnh Đồng Tháp).*

Trả lời:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 64 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013 thì “*Hợp đồng, văn bản giao dịch về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình phải được người có tên trên Giấy chứng nhận hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự ký tên*”. Như vậy, theo quy định này thì khi thực hiện chứng thực đối với các hợp đồng, văn bản giao dịch về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình thì chỉ yêu cầu những người có tên trên giấy chứng nhận hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật dân sự ký tên trong các hợp đồng, văn bản (*người thực hiện chứng thực không phải xác định thành viên hộ gia đình và không yêu cầu tất cả thành viên của hộ gia đình từ đủ 15 tuổi ký tên trong hợp đồng, giao dịch*).

2. *Đề nghị Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn, tháo gỡ những vướng mắc hiện nay của địa phương có kiều bào Campuchia sinh sống qua lại biên giới (UBND tỉnh Đồng Tháp).*

Trả lời:

Qua theo dõi thì Bộ Tư pháp thấy rằng, những khó khăn, vướng mắc hiện nay của UBND tỉnh Đồng Tháp chủ yếu liên quan đến vấn đề quốc tịch, hộ tịch, giấy tờ tùy thân của người di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam; xác định quốc tịch, hộ tịch của trẻ em là con của công dân Việt Nam với người nước ngoài đang cư trú trên địa bàn tỉnh.

Về tổng thể, để giải quyết những vướng mắc về vấn đề này, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và một số cơ quan hữu quan để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện *Tiểu đề án “Giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho người dân di cư tự do từ Campuchia về nước”* theo Quyết định số 1748/QĐ-TTg ngày 29/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án tổng thể đối với người dân di cư tự do từ Campuchia về Việt Nam”.

Ngày 08/7/2015, Bộ Tư pháp và Bộ Công an đã thành lập đoàn công tác liên ngành đến công tác tại tỉnh Đồng Tháp, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp và các Sở, Ban, ngành ở địa phương để tiến hành khảo sát thực tế tại một số xã, huyện của tỉnh có đông người di cư tự do cư trú. Trên cơ sở hoạt động khảo sát, đánh giá tình hình, Bộ Tư pháp và Bộ Công an sẽ có phương án giải quyết vấn đề cấp giấy tờ pháp lý cho người di cư tự do từ Campuchia về nước.

3. *Kiến nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm, có hướng dẫn hoặc nghiên cứu đối với văn bản số 1527/STP-BTTP ngày 02/4/2015 gửi Bộ Tư pháp về vướng mắc trong việc chuyển giao hợp đồng, giao dịch theo Nghị định 23/2015/NĐ-CP (UBND thành phố Hồ Chí Minh).*

Trả lời:

Để giải quyết những vướng mắc trong việc chuyển giao chứng thực – công chứng hợp đồng, giao dịch, ngày 29/6/2015 Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2271/BTP-BTTP về việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải về công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tại Công văn nói trên, Bộ Tư pháp đã đề nghị, trước mắt Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành, tổ chức có liên quan: Thực hiện quy định về thẩm quyền công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013, bảo đảm người dân có quyền lựa chọn công chứng tại tổ chức hành nghề công chứng hoặc chứng thực tại Ủy ban nhân dân cấp xã. Đối với các địa bàn đã thực hiện việc chuyển giao chứng thực hợp đồng, văn bản từ Ủy ban nhân dân cấp xã sang các tổ chức hành nghề công chứng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Nghị định số

88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đã có quyết định chuyển giao xem xét những nơi mà việc chuyển giao đã ổn định, tổ chức hành nghề công chứng hoạt động tốt, đáp ứng được nhu cầu thì xem xét, quyết định giữ nguyên việc chuyển giao để tránh gây xáo trộn, khó khăn cho người dân. Bộ Tư pháp đang tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường để hướng dẫn thực hiện vấn đề nêu trên một cách hiệu quả theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn cụ thể việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch liên quan đến động sản chưa có quy định về mức thu lệ phí (không thể áp dụng quy định tại Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch đối với động sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên) (UBND tỉnh Quảng Trị).

Trả lời:

Hiện tại, dự thảo Thông tư liên tịch quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực (thay thế Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17/10/2008 hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực; Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP ngày 13/5/2013 quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch) đã được Bộ Tài chính gửi lấy ý kiến bộ, ngành và địa phương (dự kiến sẽ ban hành trong tháng 9/2015). Trong thời gian Thông tư liên tịch này chưa ban hành, Bộ Tư pháp đã có văn bản trả lời một số địa phương tạm thời áp dụng mức thu lệ phí chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến động sản có giá trị trên 50.000.000 đồng quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 62/2013/TTLT-BTC-BTP là 40.000 đồng/trường hợp.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp quy định rõ thời gian giải quyết đối với thủ tục ghi vào sổ việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài; trường hợp nhập quốc tịch Việt Nam, thôi quốc tịch Việt Nam (UBND tỉnh Bình Dương).

Trả lời:

Về thời gian giải quyết đối với thủ tục ghi vào sổ việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài: theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 thì:

"1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, Sở Tư pháp gửi văn bản xin ý kiến Bộ Tư pháp về điều kiện ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, kèm theo 01 bộ hồ sơ.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp xem xét, thẩm tra hồ sơ và điều kiện ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn.

Nếu xét thấy bản án, quyết định ly hôn, bản thỏa thuận ly hôn đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 41 của Nghị định này và việc ghi vào sổ hộ tịch việc

ly hôn là đúng thẩm quyền thì Bộ Tư pháp gửi văn bản đồng ý cho Sở Tư pháp thực hiện ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn theo quy định của Nghị định này.

Nếu yêu cầu ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn không đủ điều kiện hoặc không đúng thẩm quyền thì Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ cho Sở Tư pháp, có văn bản thông báo, nêu rõ lý do.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Bộ Tư pháp thì Sở Tư pháp ghi vào sổ hộ tịch và cấp cho người yêu cầu giấy xác nhận ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã được giải quyết ở nước ngoài theo mẫu quy định. Trường hợp không đủ điều kiện hoặc không đúng thẩm quyền ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn thì phải trả lời bằng văn bản và trả lại hồ sơ cho người yêu cầu, không trả lại lệ phí.”

Như vậy, Nghị định 126/2014/NĐ-CP đã quy định rõ thời hạn đối với từng cơ quan khi giải quyết thủ tục, nhưng không quy định tổng thời gian giải quyết đối với một hồ sơ ghi chú ly hôn là bao nhiêu ngày (thời gian nêu trên tại mỗi cơ quan không bao gồm thời gian gửi hồ sơ từ Sở Tư pháp đến Bộ Tư pháp và ngược lại). Do đó, đề nghị các Sở Tư pháp khi công bố thời hạn giải quyết thủ tục ghi chú ly hôn hoặc khi ghi phiếu hẹn giải quyết hồ sơ cho người dân, cần căn cứ vào thời gian gửi và nhận hồ sơ theo đường bưu điện (từ Sở Tư pháp đến Bộ Tư pháp và ngược lại) để giải quyết thủ tục cho và thông báo công khai cho người dân.

Để tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, hiện nay, Bộ Tư pháp đang xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch, trong đó cố gắng rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định của Luật; đối với thủ tục ghi vào sổ việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài dự thảo Nghị định quy định theo hướng: UBND cấp huyện trực tiếp quyết định việc ghi chú mà không phải gửi hồ sơ xin ý kiến cấp trên.

Về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam: Theo quy định tại Điều 21 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 về trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam, tổng thời gian giải quyết hồ sơ xin nhập quốc tịch Việt Nam hợp lệ tại các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp Trung ương là 115 ngày (không kể thời gian bổ sung hồ sơ của người xin nhập quốc tịch Việt Nam). Theo đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Tư pháp, cơ quan Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 55 ngày;

- Thời gian Bộ Tư pháp xem xét hồ sơ, báo cáo Chính phủ và Chủ tịch nước; Chủ tịch nước xem xét, giải quyết là 60 ngày.

Thời gian giải quyết trên là thời gian giải quyết hồ sơ thực tế tại các cơ quan có thẩm quyền, không tính thời gian trung chuyển hồ sơ.

Về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam: Theo quy định tại Điều 29 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 về trình tự, thủ tục giải quyết hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam, tổng thời gian giải quyết hồ sơ xin thôi quốc tịch Việt Nam hợp lệ, tại các cơ quan từ cấp tỉnh đến cấp Trung ương là 80 ngày (không kể thời gian bổ sung hồ sơ của người xin thôi quốc tịch Việt Nam). Theo đó:

- Thời gian giải quyết tại Sở Tư pháp, cơ quan Công an và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 40 ngày;

- Thời gian Bộ Tư pháp xem xét hồ sơ, báo cáo Chính phủ và Chủ tịch nước; Chủ tịch nước xem xét, giải quyết là 40 ngày.

Thời gian giải quyết trên là thời gian giải quyết hồ sơ thực tế tại các cơ quan có thẩm quyền, không tính thời gian trung chuyển hồ sơ, thời gian bổ sung, hoàn thiện giấy tờ và thời gian đăng thông báo về việc xin thôi quốc tịch Việt Nam của đương sự trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

6. *Đề nghị Bộ Tư pháp sớm báo cáo Thủ tướng Chính phủ ban hành khung chương trình đào tạo chứng chỉ nghiệp vụ hộ tịch để các cơ quan Tư pháp địa phương xây dựng và triển khai kế hoạch cụ thể, hướng tới việc chuẩn hóa đội ngũ công chức hộ tịch theo quy định của Luật Hộ tịch (UBND tỉnh Quảng Ninh).*

Trả lời:

Thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật hộ tịch được ban hành theo Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 15/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đang phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương rà soát đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch tại các cấp, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và kiện toàn, bảo đảm chuẩn hóa đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch đáp ứng tiêu chuẩn được quy định trong Luật. Theo đó, Ủy ban nhân dân các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hoàn thành việc rà soát đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch tại địa phương trước ngày 31/7/2015, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kết quả rà soát và đề xuất Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đủ công chức Phòng Tư pháp làm công tác hộ tịch, bảo đảm đủ công chức làm công tác hộ tịch khi chuyển giao thẩm quyền theo quy định của Luật. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành việc rà soát đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch tại địa phương, đề xuất lộ trình đào tạo, bồi dưỡng và báo cáo kết quả về Vụ Tổ chức cán bộ - Bộ Tư pháp trước ngày 31/8/2015.

Về tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch tại địa phương: trong năm 2015, Bộ Tư pháp có kế hoạch tổ chức 02 lớp tập huấn Luật hộ tịch vào tháng 10 và tháng 11/2015 khi Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch đã được trình Chính phủ; việc xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch cho đội ngũ công chức làm công tác hộ tịch cũng đang được Bộ Tư pháp khẩn trương chuẩn bị.

7. *Về thủ tục ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã giải quyết ở nước ngoài, nhằm đơn giản hóa thủ tục này, đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu chuyển giao thẩm quyền cho Sở Tư pháp, bỏ qua bước xin ý kiến Bộ Tư pháp (UBND tỉnh Quảng Ninh).*

Trả lời:

Nhằm tăng cường cải cách thủ tục hành chính, trách nhiệm của cơ quan đăng ký hộ tịch, dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch, quy định theo hướng: *Bản án, quyết định về việc ly hôn có hiệu lực thi hành mà không vi phạm điều cấm của pháp luật Việt Nam thì Ủy ban nhân dân cấp huyện cho ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn mà không phải xin ý kiến cơ quan cấp trên.* Riêng từ nay đến ngày 01/01/2016 thì vẫn thực hiện theo Nghị định 126, Bộ Tư pháp đã cải cách mạnh mẽ việc cho ý kiến ghi chú để hạn chế tối đa tình trạng chậm trễ lời, đáp ứng cao nhất yêu cầu của người dân.

8. Về kiến nghị của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Bộ Tư pháp *quan tâm, đẩy nhanh tiến độ tham mưu Chính phủ ban hành Nghị định và xây dựng Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Hộ tịch. Trong quá trình tham mưu đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm một số vấn đề cụ thể như sau:*

- Về đăng ký khai sinh: cần có sự thống nhất về thẩm quyền đăng ký hộ tịch và thẩm quyền đăng ký khai sinh theo Điều 5, Điều 13 Luật Hộ tịch; quy định chi tiết việc đặt tên cho trẻ để có sự thống nhất chung; hướng dẫn chi tiết việc đăng ký khai sinh hco trẻ bị bỏ rơi, trẻ chưa xác định được cha, mẹ; trẻ sinh ra do mang thai hộ; việc xác định quê quán của trẻ chưa xác định được cha, mẹ; việc đăng ký khai sinh cho trẻ sinh ra ở nước ngoài chưa được đăng ký khai sinh về cư trú tại Việt Nam.

- Về kết hôn có yếu tố nước ngoài: đề nghị nghiên cứu về sự cần thiết của việc phỏng vấn trong kết hôn có yếu tố nước ngoài nhằm cải tiến thủ tục hành chính, tránh tình trạng hình thức, tạo thuận lợi cho người dân theo hướng chi nên quy định phỏng vấn trong trường hợp thật sự cần thiết, xét thấy có những vấn đề cần phải làm rõ. Đối với việc nộp hồ sơ đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài: nên quy định cho phép một trong hai bên được nộp hồ sơ mà không cần thiết phải có ủy quyền, chỉ cần hai bên có mặt đầy đủ một lần khi ký nhận và Sở đăng khi kết hôn và nhận Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Trong trường hợp cần phỏng vấn đối với người nước ngoài, đề nghị có hướng dẫn cụ thể về: nghĩa vụ mời người phiên dịch thuộc về ai (cơ quan phỏng vấn, đương sự), tiêu chuẩn, điều kiện, việc công nhận người phiên dịch, chi phí phiên dịch, trách nhiệm thanh toán...

- Về giám hộ: quy định cụ thể về thủ tục đăng ký giám hộ đương nhiên, giám hộ cử, tiêu chuẩn cụ thể của người giám hộ để thuận lợi trong quá trình thực hiện tại các địa phương.

- Về trích lục bản sao: Giao Sở Tư pháp có thẩm quyền trích lục bản sao đối với giấy tờ hộ tịch do Sở Tư pháp lưu trữ và Sở Tư pháp cấp trước khi Luật Hộ tịch có hiệu lực để thuận lợi cho công tác quản lý và lưu trữ hồ sơ, sổ bộ hộ tịch.

- Về miễn lệ phí: cần có hướng dẫn cụ thể về các trường hợp được miễn lệ phí để thực hiện một cách thống nhất.

Trả lời:

- Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch đã được xây dựng, chỉnh lý, lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan, 63 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và một số đơn vị thuộc Bộ Tư pháp. Bộ Tư pháp sẽ tiến hành thủ tục thẩm định dự thảo Nghị định vào ngày 21/8/2015, dự kiến sẽ trình Chính phủ vào cuối tháng 8/2015. Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch cũng đang được Bộ Tư pháp gấp rút xây dựng, hoàn thiện theo đúng kế hoạch, dự kiến trình Bộ trưởng trong tháng 10/2015.

- Đối với những kiến nghị cụ thể đưa vào dự thảo Nghị định, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực có ý kiến như sau:

+ Điều 12 Luật Cư trú quy định: nơi cư trú của công dân là nơi thường trú hoặc tạm trú. Trong trường hợp không xác định được nơi cư trú theo quy định trên thì nơi cư trú của công dân là nơi người đó đang sinh sống. Vì vậy, thẩm quyền đăng ký hộ tịch và thẩm quyền đăng ký khai sinh theo Điều 5, Điều 13 Luật hộ tịch là thống nhất, không cần quy định chi tiết tại Nghị định.

+ Việc đặt tên cho trẻ (bao gồm cả trẻ em có cha/mẹ là người nước ngoài) sẽ được quy định tại Bộ luật dân sự (sửa đổi), không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

+ Dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết việc đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi; trẻ chưa xác định được cha, mẹ; trẻ sinh ra do mang thai hộ; việc xác định quê quán của trẻ chưa xác định được cha, mẹ; việc đăng ký khai sinh cho trẻ sinh ra ở nước ngoài chưa được đăng ký khai sinh về nước cư trú.

+ Về thủ tục phỏng vấn khi kết hôn có yếu tố nước ngoài: Bộ Tư pháp đã tổng hợp ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương về vấn đề này và đưa vào nội dung xin ý kiến của Chính phủ trong dự thảo Tờ trình Chính phủ về dự thảo Nghị định.

+ Đối với việc nộp hồ sơ đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài: Quy định của pháp luật hiện hành (Nghị định số 126/2014/NĐ-CP) đã quy định cho phép một trong hai bên được nộp hồ sơ mà không cần có ủy quyền. Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch cũng đã quy định vấn đề này trên cơ sở kế thừa quy định của Nghị định số 126/2014/NĐ-CP.

+ Luật hộ tịch không giao Chính phủ quy định chi tiết thủ tục đăng ký giám hộ đương nhiên, giám hộ cử. Mặt khác, Bộ Tư pháp thấy rằng quy định của Luật Hộ tịch đã cụ thể, rõ ràng, không cần quy định chi tiết; Tiêu chuẩn cụ thể của người giám hộ đã được quy định tại điều 60 Bộ luật dân sự nên không cần hướng dẫn thêm.

+ Về vấn đề giao Sở Tư pháp có thẩm quyền cấp bản sao trích lục hộ tịch, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực thấy rằng, vấn đề này sẽ được giải quyết tốt khi có cơ sở dữ liệu hộ tịch theo quy định của Luật hộ tịch. Riêng trong giai đoạn chuyển tiếp, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu đưa vào dự thảo Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định quy định chi tiết một số điều

và biện pháp thi hành Luật hộ tịch theo hướng cơ quan nào lưu trữ sổ thì thực hiện cấp trích lục bản sao.

+ Về lệ phí đăng ký hộ tịch: Do đã được quy định cụ thể tại Điều 11 của Luật hộ tịch nên Nghị định không cần hướng dẫn thêm.

9. Đề nghị Bộ Tư pháp làm việc với Bộ Công an để kịp thời cấp mã số định danh công dân để có cơ sở cấp giấy tờ hộ tịch cho dân (Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Trong dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch, Bộ Tư pháp đã quy định việc cấp Số định danh cá nhân cho người được đăng ký khai sinh được thực hiện theo Luật căn cước công dân và văn bản quy định chi tiết hành Luật căn cước công dân.

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật căn cước công dân đã thể hiện quy trình cấp Số định danh cá nhân, tuy nhiên thời hạn theo quy trình này không đảm bảo để thực hiện việc đăng ký khai sinh cho trẻ em đúng theo quy định của Luật hộ tịch. Bộ Tư pháp đã trao đổi với Bộ Công an về vấn đề này. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục làm việc với Bộ Công an để trao đổi, thống nhất, đảm bảo thi hành hiệu quả Luật hộ tịch và Luật căn cước công dân.

10. Đề nghị Bộ Tư pháp đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chương trình phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch theo Kế hoạch thi hành Luật Hộ tịch theo Quyết định số 59/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Hiện nay, Bộ Tư pháp đang hoàn thiện thủ tục đề trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc. Để thực hiện Đề án, Bộ Tư pháp cũng đang chủ động triển khai nghiên cứu xây dựng Dự án khả thi Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc, kịp thời hoàn thành việc xây dựng Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch toàn quốc.

11. Đảm bảo tính ổn định của các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực hộ tịch và biểu mẫu hộ tịch; kịp thời hướng dẫn các vướng mắc nghiệp vụ hộ tịch đảm bảo các yêu cầu chính đáng của người dân (Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

- Về việc tập huấn, xây dựng cẩm nang nghiệp vụ hộ tịch có yếu tố nước ngoài của Sở Tư pháp: Như đã nêu tại điểm 1 Công văn này, hiện nay, Bộ Tư pháp đang gấp rút tiến hành những thủ tục cuối cùng để trình ký, ban hành Nghị định, Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật hộ tịch. Ngày 17/7/2015, Bộ Tư pháp cũng đã tổ chức Hội nghị trực tuyến 63 điểm cầu tại 63 tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương để phổ biến, quán triệt Luật hộ tịch. Ngay sau khi Nghị định, Thông tư được ban hành, Sở Tư pháp có thể chủ động xây dựng nội dung tập

huấn nghiệp vụ và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ khác cho công chức làm công tác hộ tịch của thành phố.

- Ngày 27/3/2015, Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực đã có Công văn số 1759/HTQTCT-HT về định hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đăng ký và quản lý hộ tịch. Sở Tư pháp có thể chủ động nghiên cứu Công văn 1759/HTQTCT-HT và tham mưu cho UBND thành phố trong việc xây dựng Chương trình phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch. Nếu Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch của thành phố Hồ Chí Minh dự định xây dựng hoặc xây dựng đảm bảo các tiêu chí nêu tại Công văn số 1759/HTQTCT-HT, đảm bảo tính hiệu quả, tính thống nhất và tương thích trong việc tích hợp với Phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch kết nối toàn quốc của Bộ Tư pháp và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử toàn quốc thì Sở Tư pháp cần chủ động triển khai.

- Bộ Tư pháp ghi nhận ý kiến của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh về vấn đề biểu mẫu hộ tịch và chất lượng giấy của Sổ hộ tịch.

+ Các biểu mẫu hộ tịch theo quy định của Luật hộ tịch và Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch sẽ đưa vào Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch. Thông tư và các biểu mẫu sẽ được lấy ý kiến của Sở Tư pháp trước khi ban hành, đề nghị Sở Tư pháp tích cực tham gia ý kiến giúp cho Thông tư và các biểu mẫu được ban hành có tính ổn định, lâu dài.

+ Hiện nay, Nhà xuất bản tư pháp đang xây dựng Đề án đổi mới công tác in và phát hành Sổ, biểu mẫu hộ tịch. Trong quá trình triển khai xây dựng, thực hiện Đề án sẽ lưu ý vấn đề chất lượng giấy và kỹ thuật đóng góc Sổ hộ tịch đảm bảo chất lượng, hiệu quả sử dụng.

IX. LĨNH VỰC BỎ TRỢ TƯ PHÁP

1. *Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với các ngành có liên quan ở Trung ương khẩn trương hướng dẫn thống nhất việc thực hiện công chứng đối với các hợp đồng, văn bản giao dịch về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình theo quy định tại Khoản 1, Điều 64 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, vì hiện nay ở địa phương còn nhiều ý kiến khác nhau trong việc xác định các thành viên trong hộ gia đình tham gia các giao dịch dân sự (UBND tỉnh Đồng Tháp).*

Trả lời:

Kiến nghị của UBND tỉnh Đồng Tháp liên quan đến việc hướng dẫn thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai. Về vấn đề này, Bộ Tư pháp (Cục Bỏ trợ tư pháp) đã có Công văn số 373/BTTP-CC ngày 18/5/2015 gửi Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp hướng dẫn thực hiện vấn đề này (*Xin gửi kèm theo Công văn số 373/BTTP-CC*). Trên cơ sở đó, Sở Tư pháp tỉnh Đồng

Tháp đã có Công văn số 583/STP-BTTP ngày 18/6/2015 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường; Công an tỉnh; Tòa án nhân dân tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh, trong đó đề nghị các cơ quan, tổ chức thực hiện thống nhất.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm, có hướng dẫn hoặc nghiên cứu đối với văn bản số 421/STP-BTTP ngày 27/01/2015 gửi Cục Bảo trợ tư pháp, Vụ Pháp luật Dân sự - Kinh tế về việc đề nghị hướng dẫn nghiệp vụ đối với trường hợp hủy bỏ Hợp đồng mua bán, chuyển nhượng khi đã đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng và hủy bỏ việc đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng (UBND thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Ngày 22/7/2015, Cục Bảo trợ tư pháp - Bộ Tư pháp đã có Công văn số 622/BTTP-CC trả lời Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh về những vấn đề mà Công văn số 421/STP-BTTP đề cập, cụ thể như sau:

Đối với hợp đồng mua bán, chuyển nhượng bất động sản, khi các bên đã thực hiện xong nghĩa vụ (bên bán, bên chuyển nhượng đã chuyển giao tài sản, quyền sử dụng; bên mua, bên được chuyển nhượng đã trả tiền và đã được đăng ký sang tên quyền sở hữu, quyền sử dụng) thì hợp đồng chấm dứt (Điều 424 của Bộ luật dân sự năm 2005). Khi hợp đồng chấm dứt (đã hoàn thành) thì không có căn cứ pháp lý để các bên thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng. Trong trường hợp muốn xác lập lại quyền sở hữu, quyền sử dụng cho bên bán, bên chuyển nhượng thì phải thông qua các hình thức xác lập quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất đai theo quy định của Bộ luật dân sự.

3. Hiện nay, các chức danh tư pháp như chấp hành viên, trợ giúp viên, công chứng viên... có quy định phụ cấp nghề, thâm niên. Tuy nhiên, đối với chức danh đấu giá viên thì không quy định. Do đó, đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu bổ sung chức danh đấu giá viên được hưởng phụ cấp nghề, thâm niên như các chức danh tư pháp khác (UBND thành phố Đà Nẵng).

Trả lời:

Hiện nay đấu giá viên đang làm việc tại các Trung tâm dịch vụ bán đấu giá là đơn vị sự nghiệp hoạt động theo quy định của Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 05/4/2006 của Chính phủ về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập được thay thế bởi Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập, quy định việc giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công, quy định cơ chế để sự nghiệp công vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp.

Thực hiện chủ trương xã hội hóa trong hoạt động bán đấu giá tài sản, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/03/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản đã quy định Sở Tư pháp có nhiệm vụ xây dựng Đề án chuyển đổi Trung tâm

dịch vụ bán đấu giá sang mô hình doanh nghiệp đối với các tỉnh, thành phố có từ 02 doanh nghiệp đấu giá trở lên, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố phê duyệt. Chủ trương tiếp tục xã hội hóa hoạt động bán đấu giá tài sản cũng được cụ thể hóa trong Dự án Luật đấu giá tài sản, theo đó, các Trung tâm dịch vụ bán đấu giá sẽ được dần chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp theo lộ trình phù hợp. Bộ Tư pháp xin ghi nhận kiến nghị của UBND thành phố Đà Nẵng. Thời gian tới, trong quá trình xây dựng Dự án Luật đấu giá tài sản, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu có những giải pháp và đề xuất hợp lý để giải quyết thỏa đáng quyền lợi của đấu giá viên làm việc tại các Trung tâm dịch vụ bán đấu giá khi tiến hành chuyển đổi nói chung và vấn đề phụ cấp nghề, thâm niên đối với đội ngũ đấu giá viên nói riêng, đảm bảo phù hợp với chủ trương xã hội hóa hoạt động bán đấu giá và thực tiễn hoạt động đấu giá tại các địa phương.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, bỏ Công chứng viên ra khỏi đối tượng định kỳ chuyển đổi công tác theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 sửa đổi một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức (UBND thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Bộ Tư pháp thấy rằng, kiến nghị này của UBND thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp. Trong thời gian tới, Bộ sẽ có văn bản gửi Bộ Nội vụ đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, trình Chính phủ xem xét, sửa đổi quy định này cho phù hợp với tính đặc thù nghề nghiệp của công chứng viên.

5. Kiến nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm, có hướng dẫn hoặc nghiên cứu đối với văn bản số 569/UBND-PCNC ngày 31/01/2015 của UBND thành phố gửi Bộ Tư pháp về việc thu lệ phí chứng thực trong hoạt động công chứng theo Luật Công chứng năm 2014 nhưng đến nay Sở Tư pháp chưa nhận được thông tin từ Bộ Tư pháp (UBND thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Ngay sau khi Luật công chứng năm 2014 được ban hành, Bộ Tư pháp đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính dự thảo Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BTC-BTP hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí công chứng, trong đó có phí chứng thực trong hoạt động công chứng. Ngày 11/8/2015, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp đã ban hành Thông liên tịch số 115/2015/TTLT-BTC-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 19 tháng 01 năm 2012 hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí công chứng, trong đó có quy định về phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản theo quy định của Luật công chứng.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp tổ chức các lớp tập huấn kiến thức pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng cần thiết trong hoạt động bán đấu giá tài sản cho đấu giá viên, nhất là các lớp tập huấn theo chuyên đề pháp luật liên quan đến bán đấu giá (quyền sử dụng đất, tài sản thi hành án...) (UBND tỉnh Đồng Tháp).

Trả lời:

Triển khai thực hiện Đề án “Phát triển và tăng cường năng lực đội ngũ đấu giá viên giai đoạn 2013-2015, định hướng đến năm 2020”, thời gian qua, Bộ Tư pháp đã tổ chức được 03 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và kỹ năng cần thiết trong hoạt động bán đấu giá tài sản tại tỉnh Ninh Bình và thành phố Hà Nội cho đội ngũ đấu giá viên và các cán bộ làm công tác quản lý về hỗ trợ tư pháp tại các địa phương. Tiếp thu kiến nghị của UBND tỉnh Đồng Tháp, trong thời gian tới, trên cơ sở sơ, tổng kết thực hiện Đề án nêu trên, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục xây dựng các kế hoạch để tăng cường tổ chức các lớp bồi dưỡng cho đội ngũ đấu giá viên.

7. Đề nghị Bộ Tư pháp kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Công chứng năm 2014, như quy định về phí công chứng đối với bản dịch, chế độ thu, sử dụng phí chứng thực đối với các tổ chức hành nghề công chứng khi thực hiện chứng thực theo quy định của pháp luật về chứng thực, việc xử phạt các vi phạm hành chính đối với các hành vi bị cấm được quy định trong Luật công chứng (Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

- Triển khai thi hành Luật công chứng năm 2014, Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng, ngày 11/8/2015, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư liên tịch số 115/2015/TTLT-BTC-BTP sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 08/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 19/01/2012 hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí công chứng, theo đó Thông tư liên tịch số 115/2015/TTLT-BTC-BTP đã bổ sung quy định về mức phí cụ thể đối với việc công chứng bản dịch văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài và ngược lại, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký, chế độ thu và sử dụng đối với phí công chứng bản dịch, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký. Thông tư liên tịch số 115/2015/TTLT-BTC-BTP này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/9/2015.

- Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi bị cấm trong Luật công chứng:

Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/8/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh

nghiệp, hợp tác xã. Nghị định số 67/2015/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung nhiều quy định xử phạt đối với các hành vi vi phạm của công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng, cá nhân, tổ chức khác có liên quan cho phù hợp với quy định của Luật công chứng năm 2014. Nghị định số 67/2015/NĐ-CP sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2015.

8. Đề nghị Bộ Tư pháp kịp thời phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan (Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư....) hướng dẫn thống nhất, cụ thể các vướng mắc trong hoạt động công chứng đã được Sở Tư pháp thành phố báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo trong thời gian qua, như: thẩm quyền và việc ủy quyền thực hiện xác nhận các hợp đồng, giao dịch về quyền sử dụng đất trong các khu công nghiệp, khu chế xuất của các Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất; việc thực hiện chủ trương chuyển giao chứng nhận hợp đồng, giao dịch; việc thực hiện chứng nhận, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất...; bổ sung quy định về việc hướng dẫn giao dịch đối với các loại "Giấy trắng" nêu trên để việc áp dụng pháp luật trong đăng ký giao dịch đối với các giấy tờ được cấp trước khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực được thống nhất. (Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

- Ngày 19/3/2015, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đã chủ trì cuộc họp Ban Chỉ đạo về phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp, tại cuộc họp này, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đã kết luận: giao lại cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì nghiên cứu, hướng dẫn vấn đề xác nhận các giao dịch về bất động sản của Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế theo hướng: việc công chứng và xác nhận là hai việc khác nhau, việc xác nhận của Ban quản lý không thay thế cho hoạt động công chứng được; Luật công chứng đã quy định công chứng viên có thẩm quyền công chứng các giao dịch về bất động sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở thì phải tuân theo Luật công chứng.

Ngày 02/4/2015, Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 111/TB-VPCP thông báo trong đó giao cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì nghiên cứu, phối hợp với Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ về thẩm quyền xác nhận hợp đồng, văn bản bất động sản trong khu kinh tế, khu công nghiệp của Ban Quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp. Trên cơ sở đó, ngày 03/7/2015, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2373/BTP-BTTP gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn việc chứng nhận các giao dịch về bất động sản trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Về việc thực hiện chủ trương chuyển giao chứng nhận hợp đồng, giao dịch; việc thực hiện chứng nhận, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất:

Thực hiện Công văn số 3050/VPCP-KTN ngày 04/5/2015 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải về việc Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai năm 2013, trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại buổi làm việc của Thủ tướng về tình hình và giải pháp thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, ngày 29/6/2015 Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2271/BTP-BTTP gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Sở Tư pháp trên cả nước, trong đó có nội dung về chuyển giao thẩm quyền chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện các quyền của người sử dụng đất từ Ủy ban nhân dân cấp xã sang các tổ chức hành nghề công chứng theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

9. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, tổ chức các hoạt động trao đổi nghiệp vụ cho Công chứng viên và cán bộ nghiệp vụ để nâng cao chất lượng và thống nhất đối với hoạt động công chứng trên địa bàn cả nước (có thể nghiên cứu tổ chức Hội nghị giao ban công chứng toàn quốc) - (Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật công chứng, trong đó có quy định về bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hàng năm đã giao cho Hội công chứng viên thực hiện nhiệm vụ này; trường hợp địa phương chưa thành lập Hội công chứng viên thì Sở Tư pháp thực hiện bồi dưỡng. Ngoài ra, Học viện Tư pháp cũng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ này.

Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu về việc tổ chức Hội nghị giao ban công chứng toàn quốc theo đề nghị của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh.

X. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

1. Đề nghị Bộ Tư pháp xem xét, giải quyết các kiến nghị về công tác phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL) và hoạt động xã hội hóa công tác phổ biến giáo dục pháp luật mà Sở Tư pháp đã báo cáo tại văn bản số 2547/STP-PBGDPL ngày 27/5/2015; hướng dẫn việc thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật (UBND thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

1.1. Về kiến nghị tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ PBGDPL:
Hàng năm, trong kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp PBGDPL Trung ương; Kế hoạch công tác PBGDPL; Kế hoạch hoạt động của các Chương trình, Đề án về PBGDPL đều xác định việc tập huấn, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ là một hoạt động trọng tâm cần tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực làm công tác PBGDPL. Đặc biệt, Bộ Tư pháp đang chủ trì triển khai thực hiện Đề án “Củng cố, kiện toàn và nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực trong công tác PBGDPL đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển của đất nước giai đoạn 2012 - 2016” theo Quyết định số 1063/QĐ-BTP ngày 09/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Theo các Kế hoạch, Chương trình, Đề án nêu trên, trung bình mỗi năm, Bộ Tư pháp đều trực tiếp tổ chức hoặc hỗ trợ các Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương tổ chức trên 20 lớp tập huấn, bồi dưỡng để cập nhật kiến thức pháp luật mới và kỹ năng PBGDPL cho lãnh đạo Sở Tư pháp, Phòng PBGDPL và đội ngũ Báo cáo viên pháp luật và một số đối tượng đặc thù khác để các bộ, ngành, đoàn thể, địa phương có điều kiện giao lưu, học hỏi, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm; nêu lên vướng mắc, bất cập để cùng tháo gỡ. Tuy nhiên, do nguồn lực có hạn, vì thế Bộ chỉ tổ chức được một số lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ mang tính chuyên sâu, vì vậy, để đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng, nghiệp vụ công tác PBGDPL cho đội ngũ cán bộ làm công tác PBGDPL của địa phương, Bộ đề nghị địa phương căn cứ vào nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương để tổ chức việc tập huấn cho đội ngũ Báo cáo viên pháp luật cấp huyện, tuyên truyền viên pháp luật cấp xã và đội ngũ công chức của Phòng Tư pháp cấp huyện.

1.2. Về đề nghị rà soát lại các chương trình, Đề án về PBGDPL để nâng cao hiệu quả công tác PBGDPL: Các chương trình, Đề án về PBGDPL phần lớn đều được ban hành trước khi có Luật PBGDPL; gắn với các địa bàn, lĩnh vực, nhóm đối tượng đặc thù để đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm ưu tiên các nguồn lực phục đáp các yêu cầu trước mắt, trong những thời điểm cụ thể. Đến nay, Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành đã xác định cụ thể các chính sách; nguyên tắc, nội dung, hình thức, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác PBGDPL, vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn rà soát, tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và trách nhiệm được giao cho phù hợp với nhu cầu PBGDPL của nhân dân và nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của địa phương. Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá chất lượng, hiệu quả thực hiện các Chương trình, Đề án về PBGDPL và tham mưu để tiếp tục duy trì hay chấm dứt các Chương trình, Đề án về PBGDPL, bảo đảm không trùng lặp; khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn lực, tránh dàn trải, phân tán các nguồn lực.

1.3. Về xã hội hóa công tác PBGDPL: Chính sách xã hội hóa PBGDPL đã được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 3, Điều 4, khoản 2 Điều 15, khoản 3 Điều 17, Điều 18, khoản 4 Điều 19, khoản 3 Điều 20 và tại một số quy định khác của Luật PBGDPL; được Chính phủ hướng dẫn chi tiết tại chương III, Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 4/4/2013. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh căn cứ vào điều kiện thực tiễn để chủ động xác định các giải pháp, chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện đầy đủ các quy định trên đây; kịp thời xây dựng, phát hiện, nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả, thiết thực; phát hiện những vướng mắc, bất cập, vấn đề mới phát sinh và đề xuất, kiến nghị các giải pháp cụ thể

phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương và cả nước để Bộ Tư pháp kịp thời tháo gỡ. Về lâu dài, Bộ sẽ tiếp tục nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn thực hiện chính sách này, tham khảo kinh nghiệm một số lĩnh vực khác cũng như kết quả triển khai của các Bộ, ngành, đoàn thể, địa phương để xác định cách thức, biện pháp triển khai thực hiện có hiệu quả, trên cơ sở đó hướng dẫn để địa phương có thể huy động được các nguồn lực xã hội tham gia PBGDPL. Khi điều kiện chín muồi, Bộ sẽ nghiên cứu, bổ sung kết quả triển khai thực hiện chính sách xã hội hóa PBGDPL là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác PBGDPL.

1.4. Về hướng dẫn thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật: Thực hiện Quyết định số 09/2013/QĐ-TTg ngày 24/01/2013 và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về triển khai làm thử việc đánh giá, công nhận, biểu dương, khen thưởng địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Bộ Tư pháp đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện nhiệm vụ này (*nhất là tại các tỉnh Cà Mau, Điện Biên, Quảng Bình, Thái Bình; thành phố Hồ Chí Minh thuộc địa bàn triển khai làm thử*). Năm 2015, ngoài hướng dẫn tại Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước năm 2015 (kèm theo Quyết định số 4080/QĐ-BTP ngày 31/12/2014), Bộ Tư pháp đã có Công văn số 659/BTP-PBGDPL ngày 09/3/2015 hướng dẫn cụ thể việc triển khai thực hiện. Ngày 14/7/2015, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2493/BTP-PBGDPL gửi UBND cấp tỉnh hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ công tác PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và hòa giải ở cơ sở năm 2016; đồng thời tổ chức nhiều lớp tập huấn hướng dẫn nghiệp vụ, nhất là ở 05 địa phương làm thử; tổ chức các Đoàn kiểm tra, khảo sát kết hợp với nắm thông tin, tình hình với trao đổi, thảo luận, hướng dẫn nghiệp vụ, góp phần giúp các địa phương tháo gỡ những vướng mắc về chuyên môn để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ mới được nhà nước giao.

2. Đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng mô hình tổ hòa giải theo hướng tăng cường chất lượng công tác hòa giải; môi xã, phường, thị trấn không nhất thiết “bảo đảm 100% thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư có ít nhất một tổ hòa giải” mà phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của cơ sở (UBND thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Ngày 05/3/2015, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 638/BTP-PBGDPL đề nghị UBND cấp tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chỉ đạo, hướng dẫn củng cố, kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở theo Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm 100% thôn, xóm, bản, ấp, tổ dân phố và các cụm dân cư có ít nhất một tổ hòa giải; đề nghị địa phương phát triển tổ hòa giải và các mô hình hòa giải thích hợp khác theo nhu cầu của người dân và bám sát thực tiễn, không trái pháp luật; chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tổ chức thực hiện một số biện pháp để nâng cao chất lượng công tác hòa giải ở cơ sở.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy tình trạng củng cố, kiện toàn tổ hòa giải của một số địa phương vẫn còn chạy theo số lượng, chưa xuất phát từ nhu cầu thực tiễn; hoạt động của nhiều tổ hòa giải, hòa giải viên còn hình thức, chiếu lệ, hiệu quả thấp như ý kiến của UBND tp Hồ Chí Minh. Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ chú trọng việc tổng kết thực tiễn, tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo các địa phương để chủ động xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ hòa giải phù hợp với nhu cầu thực tiễn và đặc điểm, tình hình kinh tế - xã hội, dân số của địa phương (không nhất thiết 100% thôn, tổ dân phố có ít nhất một tổ hòa giải); thường xuyên theo dõi, rà soát, đánh giá tình hình hoạt động của tổ hòa giải, hòa giải viên để có biện pháp chấn chỉnh, củng cố, kiện toàn kịp thời; hướng dẫn nhân rộng các mô hình, cách làm hiệu quả bảo đảm tổ hòa giải hoạt động chất lượng, tiếp tục phát huy ý nghĩa nhân văn của hoạt động này trong đời sống xã hội. Đặc biệt, Bộ Tư pháp sẽ sớm trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả công tác ở cơ sở giai đoạn 2016 - 2020.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp phối hợp với Bộ Tài chính hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho công tác Phổ biến giáo dục pháp luật theo Điều 39 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012 (UBND tỉnh Tuyên Quang).

Điều 39 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật đã quy định: "Ngân sách Trung ương hỗ trợ kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách"; Điều 6, đoạn 2, khoản 1 luật Hòa giải ở cơ sở cũng đã quy định: "Ngân sách trung ương chi bổ sung cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách để hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở". Vì vậy, Đề nghị Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch quy định tiêu chuẩn, danh mục các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách được hỗ trợ kinh phí từ Trung ương đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở để các hoạt động này được tổ chức thống nhất từ Trung ương, thu hẹp mức chênh lệch về kinh phí PBGDPL, hòa giải ở cơ sở giữa các tỉnh (UBND tỉnh Quảng Trị).

Trả lời:

Triển khai thực hiện Điều 39 Luật PBGDPL và Điều 6 Luật hòa giải ở cơ sở, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Bộ Tài chính ban hành Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác PBGDPL và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở, Thông tư liên tịch số 100/TTLT/BTC-BTP ngày 30/7/2014 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở. Đến nay, thể chế, chính sách hướng dẫn về kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL, hòa giải cơ sở đã đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý cho việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách bảo đảm cho hai lĩnh vực công tác này. Riêng tiêu chuẩn, danh mục địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Trung ương do Quốc hội quyết

định khi xem xét, thông qua dự toán ngân sách nhà nước hàng năm mà không thuộc thẩm quyền của liên Bộ Tư pháp và Tài chính.

Đối với kinh phí PBGDPL, hòa giải ở cơ sở do ngân sách trung ương hỗ trợ cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, ngay trong năm đầu tiên triển khai Luật PBGDPL, Luật Hòa giải ở cơ sở, Bộ Tư pháp đã hướng dẫn các địa phương lập dự toán, Bộ đã tổng hợp dự toán và gửi Bộ Tài chính đề nghị xem xét cân đối, tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền bổ sung theo quy định. Tuy nhiên, căn cứ vào Luật ngân sách nhà nước, trong hai năm 2015 và 2016, Bộ Tài chính đều có văn bản hướng dẫn, đề nghị các địa phương không tự cân đối được ngân sách tự bố trí kinh phí cho công tác PBGDPL và hòa giải ở cơ sở trong phạm vi ngân sách được Trung ương giao (*Khoản 2 Điều 3, Thông tư số 211/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2015; Điểm h, Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 102/2015/TT-BTC ngày 30/6/2015 hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2016*). Căn cứ vào hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp cũng đã có Công văn số 233/BTP-KHTC ngày 23/01/2015 và Công văn số 2493/BTP-PBGDPL ngày 14/7/2015 gửi UBND cấp tỉnh đề nghị bố trí kinh phí hoặc hướng dẫn việc lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác PBGDPL và hòa giải ở cơ sở. Vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh chỉ đạo, giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính căn cứ vào các văn bản và hướng dẫn trên đây để triển khai thực hiện; kịp thời tham mưu, kiến nghị Hội đồng nhân dân, UBND cấp tỉnh bố trí kinh phí bảo đảm cho hai lĩnh vực công tác này. Nếu địa phương chưa được bố trí hoặc có khó khăn, vướng mắc, vấn đề mới phát sinh, đề nghị tiếp tục phản ánh về Bộ Tư pháp để tổng hợp, phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có giải pháp tháo gỡ kịp thời; đồng thời sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến thời kỳ ổn định ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 của địa phương để thực hiện tốt các văn bản trên đây.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp cần có thêm những chương trình, đề án hỗ trợ kinh phí từ Trung ương cho công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, trợ giúp pháp lý để hoạt động tuyên truyền, giúp trợ pháp lý ngày càng phát huy vai trò của mình đáp ứng nhu cầu hiểu biết pháp luật cũng như trợ giúp pháp lý ngày càng cao của người dân (UBND tỉnh Quảng Trị).

Trả lời:

Những năm qua, Bộ Tư pháp đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nhiều Chương trình, Đề án về PBGDPL (như Quyết định số 409/QĐ-TTG ngày 09/4/2012; Quyết định số 1133/QĐ-TTg ngày 15/7/2013...) để xác định những hoạt động cần tăng cường triển khai thực hiện, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm tập trung nguồn lực. Qua một số Đề án, Chương trình, các cơ quan Trung ương chủ trì thực hiện Đề án, trong đó có Bộ Tư pháp đã hỗ trợ một phần kinh phí cho một số địa phương được lựa chọn làm điểm hoặc hỗ trợ một số hoạt động cụ thể nhưng do nguồn lực có hạn nên không thể hỗ trợ được nhiều.

Sau khi Luật PBGDPL được ban hành, việc triển khai thực hiện công tác PBGDPL cần phải theo đúng nội dung, tinh thần của Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành. Các Chương trình, Đề án về PBGDPL sẽ được tổng kết, đánh giá về tính hiệu quả, mức độ tác động và chủ yếu sẽ hướng vào các nhóm đối tượng, lĩnh vực, địa bàn đặc thù để tập trung nguồn lực. Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, phối hợp với các Bộ, ngành nghiên cứu đề xuất Thủ tướng Chính phủ ban hành những Đề án, Chương trình về PBGDPL thực sự cần thiết và có các giải pháp cụ thể để có nguồn kinh phí hỗ trợ cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách để góp phần khắc phục khó khăn hiện tại của địa phương trong công tác PBGDPL.

5. Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo các vụ chức năng đẩy nhanh tiến độ xây dựng đề cương hướng dẫn tuyên truyền các Luật mới được Quốc hội ban hành hoặc đăng tải toàn văn các dự thảo Luật đang được các đại biểu thảo luận tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XIII để pháp chế các Bộ, ngành nghiên cứu làm căn cứ xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến các văn bản luật trong 6 tháng cuối năm 2015 (Thông tấn xã Việt Nam).

Trả lời:

Những năm qua, Bộ Tư pháp luôn xác định việc biên soạn đề cương tuyên truyền, phổ biến các luật, pháp lệnh mới được thông qua là nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch công tác PBGDPL và ưu tiên nguồn lực để triển khai thực hiện. Vì thế, hầu hết các luật, pháp lệnh mới được ban hành đều có Đề cương tuyên truyền, phổ biến để bộ, ngành, đoàn thể, địa phương khai thác, sử dụng.

Rút kinh nghiệm những năm trước, ngay trong 6 tháng đầu năm 2015, hầu hết các luật, pháp lệnh mới được ban hành đều có Đề cương tuyên truyền, phổ biến ngay sau khi văn bản được công bố. Đối với 06 tháng cuối năm, ngay sau khi Quốc hội kết thúc phiên họp, căn cứ vào danh mục các luật được Quốc hội thông qua, ngày 06/7/2015, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2392/BTP-PBGDPL đề nghị các cơ quan chủ trì soạn thảo phối hợp sớm biên soạn Đề cương chi tiết giới thiệu các luật, pháp lệnh mới. Ngay sau khi Văn phòng Chủ tịch nước họp báo công bố luật, pháp lệnh mới (ngày 17/7/2015), Bộ Tư pháp đã đăng tải toàn văn nội dung các văn bản, Đề cương giới thiệu luật, pháp lệnh và Lệnh của Chủ tịch nước công bố luật, pháp lệnh trên Trang tin PBGDPL thuộc Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. Đối với các Đề cương chi tiết, do phụ thuộc vào các bộ, ngành, đoàn thể chủ trì soạn thảo văn bản nên thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ đôn đốc, tiếp tục phối hợp hoàn thiện các Đề cương chi tiết và đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ trong tháng 8 năm 2015.

Đồng thời, hiện nay, trước và trong mỗi kỳ họp Quốc hội, Cổng thông tin điện tử của Quốc hội đã đăng tải toàn văn hồ sơ trình các dự án luật và các biên bản thảo luận tại Hội trường cũng như các báo cáo giải trình, tiếp thu của Ủy ban thường vụ Quốc hội, vì vậy, Bộ Tư pháp đề nghị Quý cơ quan khai thác thông tin, tài liệu đã được đăng tải công khai để phục vụ việc tuyên truyền, phổ biến đối với dự án luật.

6. Đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn đối với trường hợp báo cáo viên là hội viên Hội Luật gia, Đoàn Luật sư, cán bộ, công chức đã nghỉ hưu nhưng có khả năng, trình độ và có nguyện vọng làm báo cáo viên pháp luật để tăng cường, bổ sung lực lượng báo cáo viên ở địa phương; đồng thời hướng dẫn biện pháp quản lý đối với lực lượng này để bảo đảm chất lượng, nội dung tuyên truyền đúng quy định, chủ trương, đường lối (UBND thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Theo khoản 1 Điều 35 Luật PBGDPL “Báo cáo viên pháp luật là cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận để kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật”. Tại Điều 4 Luật cán bộ, công chức năm 2008 và Điều 2 của Luật viên chức năm 2012 quy định diện đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức thì hội viên Hội Luật gia, Đoàn Luật sư và những cán bộ, công chức đã nghỉ hưu không phải là cán bộ, công chức, viên chức. Vì vậy, họ sẽ không đủ điều kiện để được công nhận là báo cáo viên pháp luật.

Để phát huy uy tín, kiến thức, trình độ am hiểu về pháp luật của đội ngũ này và huy động họ tham gia thực hiện PBGDPL tại cơ sở, các địa phương cần mời hội viên Hội luật gia, Đoàn Luật sư, cán bộ, công chức đã nghỉ hưu tham gia thực hiện PBGDPL với tư cách “người được mời tham gia PBGDPL ở cơ sở” theo Điều 37 Luật PBGDPL.

Luật PBGDPL đã quy định quyền và nghĩa vụ của Báo cáo viên pháp luật, địa vị pháp lý của Tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia PBGDPL ở cơ sở. Khi tham gia PBGDPL, các đối tượng này có nghĩa vụ chấp hành Luật PBGDPL và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thời gian tới, căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ và thực hiện hoạt động của đội ngũ người được mời tham gia PBGDPL, nếu xét thấy cần thiết, Bộ Tư pháp sẽ nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn biện pháp quản lý đối với lực lượng này để đảm bảo chất lượng, nội dung tuyên truyền đúng quy định của pháp luật và chủ trương, đường lối của Đảng.

XI. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

1. Đề nghị Bộ Tư pháp chỉ đạo Cục Trợ giúp pháp lý quan tâm, chú trọng đến công tác tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý, công tác viên, chuyên viên (UBND thành phố Đà Nẵng, UBND tỉnh Lào Cai).

Trả lời:

Công tác tập huấn, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực, bảo đảm chất lượng nguồn nhân lực thực hiện TGPL trong thời gian qua luôn được Bộ Tư pháp và các địa phương quan tâm, không chỉ tập trung bồi dưỡng nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý mà còn bồi dưỡng các kỹ năng thực hiện nghiệp vụ. Theo Quyết định số 2083/QĐ-TTg ngày 8/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng Học viện Tư pháp thành trung tâm lớn đào tạo

các chức danh tư pháp” thì Học viện Tư pháp có chức năng đào tạo nghề cho Luật sư, Thẩm phán, Kiểm sát viên, Chấp hành viên, Công chứng viên và các chức danh tư pháp khác thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp, trong đó có Trợ giúp viên pháp lý. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục chỉ đạo Cục Trợ giúp pháp lý phối hợp với Học viện Tư pháp thực hiện việc tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ trợ giúp viên pháp lý.

Tại địa phương, hàng năm, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo Trung tâm TGPL nhà nước có kế hoạch tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ người thực hiện TGPL phù hợp với yêu cầu của công tác TGPL trên địa bàn. Theo đó, Trung tâm chủ động tổ chức hoặc tham mưu Sở Tư pháp tổ chức tập huấn cho đội ngũ người thực hiện TGPL ở địa phương theo những nội dung về trình độ chuyên môn; kỹ năng nghiệp vụ; về kiến thức quản lý, trình độ chính trị và bồi dưỡng về ngôn ngữ, tiếng nói của đồng bào dân tộc thiểu số tại các vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đội ngũ luật sư hành nghề trên địa bàn chưa đáp ứng nhu cầu TGPL, Trung tâm cần chủ động tham mưu cấp có thẩm quyền cử cán bộ tham dự khóa bồi dưỡng nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý để tạo nguồn bổ nhiệm Trợ giúp viên pháp lý, bổ sung cho đội ngũ người thực hiện TGPL tại địa phương.

2. Đề nghị Quỹ Trợ giúp pháp lý Việt Nam xem xét bổ sung thêm kinh phí để tổ chức các lớp tập huấn cho các huyện nghèo (UBND tỉnh Lào Cai).

Trả lời:

Ngày 01/6/2015 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015 – 2025 đã đưa ra những nhiệm vụ, giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế, tồn tại và thúc đẩy công tác TGPL theo hướng ổn định, bền vững. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ đã quyết định tạm dừng tổ chức và hoạt động của Quỹ TGPL Việt Nam cho đến khi Luật TGPL (sửa đổi) có hiệu lực.

Để khắc phục tình trạng hỗ trợ dàn trải, không hiệu quả nhất là khi ngân sách nhà nước còn khó khăn, đối với các chính sách giảm nghèo thực hiện việc tích hợp nguồn kinh phí từ Quyết định số 52/2010/QĐ-TTg ngày 18/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo giai đoạn 2011-2020 và Quyết định số 59/2012/QĐ-TTg ngày 24/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách TGPL cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các xã nghèo giai đoạn 2013-2020 để Bộ Tư pháp điều phối, hỗ trợ đối với các vụ việc TGPL trong lĩnh vực tố tụng; hỗ trợ học phí cho viên chức của Trung tâm tham gia khóa đào tạo nghề luật sư và hỗ trợ đối với các hoạt động truyền thông trực tiếp về TGPL (*thiết lập đường dây nóng về TGPL, truyền thông về TGPL; thu và sao băng cát – xét, đĩa CD bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số về TGPL; đặt Bảng thông tin, Hộp tin về TGPL*). Đối với hoạt động tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ TGPL đề cập nhật kiến thức pháp luật mới

và kỹ năng TGPL cho người thực hiện TGPL tại các huyện nghèo, Bộ Tư pháp đề nghị các địa phương chủ động tổ chức phù hợp với yêu cầu của công tác TGPL trên địa bàn.

3. Đề nghị Cục Trợ giúp pháp lý nghiên cứu, đề xuất Bộ Nội vụ và các cơ quan có thẩm quyền bổ sung chế độ phụ cấp (công vụ, thâm niên) cho các cán bộ, viên chức đơn vị sự nghiệp công lập không có thu do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ như các Trung tâm Trợ giúp pháp lý tỉnh và chế độ thu hút cho cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý tại các tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới để đảm bảo nguồn nhân lực cán bộ trợ giúp pháp lý công tác ổn định, lâu dài (UBND tỉnh Lào Cai).

Trả lời:

Trung tâm TGPL nhà nước là đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Trong khi chưa ban hành hoặc sửa đổi Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong từng lĩnh vực cụ thể, Trung tâm TGPL nhà nước tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định tại Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, do đó các chế độ đối với đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo chính sách chung.

Về vấn đề phụ cấp công vụ cho cán bộ, viên chức, Trợ giúp viên pháp lý trong các đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên như Trung tâm TGPL nhà nước, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục nghiên cứu, đề xuất Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ trong quá trình xây dựng Nghị định quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực tư pháp.

Để giải quyết những khó khăn về chế độ, chính sách cho đội ngũ người thực hiện TGPL, Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015 - 2025 đã đưa ra các giải pháp tăng mức bồi dưỡng vụ việc tham gia tố tụng cho Trợ giúp viên pháp lý thực hiện TGPL từ 20% lên 40% mức bồi dưỡng áp dụng đối với cộng tác viên TGPL. Đồng thời, Đề án đã tăng mức bồi dưỡng cho cộng tác viên TGPL theo vụ việc với 01 buổi làm việc tương đương mức trần bồi dưỡng cho báo cáo viên pháp luật là chuyên viên cấp tỉnh trong 01 buổi làm việc hoặc khoán chi theo vụ việc với mức tối thiểu bằng 03 tháng lương cơ sở và mức tối đa là 10 tháng lương cơ sở. Để bảo đảm quyền lợi của đội ngũ người thực hiện TGPL, hiện nay, Bộ Tư pháp đang khẩn trương xây dựng và hoàn thiện Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 14/2013/NĐ-CP ngày 05/02/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 07/2007/NĐ-CP ngày 12/01/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TGPL và sửa đổi Thông tư liên tịch số 209/2012/TTLT/BTC-BTP ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm hoạt động của cơ quan, tổ chức TGPL nhà nước theo quy định của Đề án.

4. Đề nghị Bộ Tư pháp sớm tham mưu sửa đổi Luật TGPL cần quy định tổ chức bộ máy của Trung tâm cho chặt chẽ, nhất là việc thành lập Chi nhánh TGPL; chức trách, nhiệm vụ của viên chức (chuyên viên) TGPL để tránh lãng phí nguồn lực trong lĩnh vực này (UBND tỉnh Tuyên Quang).

Trả lời:

- Bộ Tư pháp đã đề xuất Chính phủ đề nghị Quốc hội đưa Dự án Luật TGPL (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2016. Ngày 09/6/2015, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 89/2015/QH13 điều chỉnh Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh nhiệm kỳ Quốc hội khóa XIII, năm 2015 và Chương trình xây dựng Luật, Pháp lệnh năm 2016, theo đó Dự án Luật TGPL (sửa đổi) sẽ trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XIV. Hiện nay, Bộ Tư pháp đang triển khai nghiên cứu và xây dựng Dự án Luật này theo định hướng sau:

Về tổ chức TGPL, nghiên cứu theo hướng Trung tâm TGPL được tổ chức lại chuyển từ trực tiếp cung cấp dịch vụ TGPL thành cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về TGPL.

Người thực hiện TGPL, bao gồm Trợ giúp viên pháp lý và luật sư, có lộ trình chuyển đổi Trợ giúp viên pháp lý sang luật sư, nâng cao năng lực cho đội ngũ Trợ giúp viên pháp lý, bảo đảm sau năm 2025 người thực hiện TGPL là luật sư. Trợ giúp viên pháp lý đã tham gia tổ tụng đạt chỉ tiêu vụ việc được giao hàng năm và bảo đảm chất lượng được chuyển đổi sang luật sư (nếu có nguyện vọng) mà không phải qua đào tạo và tập sự hành nghề luật sư. Nhà nước ký hợp đồng thường xuyên với luật sư (luật sư công thực hiện TGPL) hoặc hợp đồng vụ việc với luật sư hành nghề cung cấp dịch vụ TGPL.

- Trong giai đoạn trước khi Luật TGPL (sửa đổi) có hiệu lực, Đề án đổi mới công tác TGPL giai đoạn 2015-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ngày 01/6/2015 đã đưa ra những giải pháp như sau:

Thực hiện việc sắp xếp tổ chức các Trung tâm TGPL nhà nước theo hướng tinh gọn, tinh giản tổ chức, bộ máy và biên chế, giảm bớt chi phí bộ máy hành chính, tập trung nguồn lực cho việc nâng cao chất lượng TGPL, tăng cường hiệu quả quản lý, bảo đảm hiệu quả, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, nhu cầu TGPL, nguồn nhân lực cung cấp dịch vụ TGPL của từng địa phương và huy động các tổ chức xã hội tham gia thực hiện TGPL. Trên cơ sở Đề án sắp xếp vị trí, việc làm của công chức, viên chức trong Trung tâm TGPL nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong từng giai đoạn, theo đó có giải pháp chuyển đổi số biên chế chuyên viên pháp lý dôi dư sang các đơn vị sự nghiệp, đơn vị hành chính cho Sở Tư pháp, tổ chức pháp chế ở các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Tư pháp cấp huyện, cơ quan quản lý nhà nước về TGPL.

Đối với Chi nhánh, về cơ bản không thành lập mới. Trường hợp cần thiết phải thành lập Chi nhánh thì Giám đốc Sở Tư pháp báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập. Thực hiện rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động, chấm dứt hoạt động

đối với Chi nhánh thành lập không đúng quy định, không căn cứ vào nhu cầu TGPL, không có Trợ giúp viên pháp lý hoặc hoạt động không hiệu quả.

XII. LĨNH VỰC LÝ LỊCH TƯ PHÁP

1. *Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu quy định chức danh công chức làm công tác lý lịch tư pháp và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức làm công tác tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin tại các cơ quan có liên quan (UBND thành phố Đà Nẵng).*

Trả lời:

1.1. *Đối với kiến nghị quy định chức danh công chức làm công tác lý lịch tư pháp*

Bộ Tư pháp luôn xác định một trong những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp là phải xây dựng đội ngũ công chức, viên chức làm công tác lý lịch tư pháp chuyên nghiệp theo hướng có chức danh cụ thể. Tuy nhiên, đây là vấn đề lớn phải được điều chỉnh bởi văn bản luật. Do vậy, đối với kiến nghị của UBND thành phố Đà Nẵng, Bộ Tư pháp xin tiếp thu và sẽ nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất với Chính phủ và Quốc hội trong quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Lý lịch tư pháp.

1.2. *Đối với kiến nghị quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức làm công tác tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin tại các cơ quan có liên quan*

Bộ Tư pháp tán thành với kiến nghị của UBND thành phố Đà Nẵng. Đây cũng là một trong những giải pháp cụ thể nhằm thực hiện Chiến lược phát triển lý lịch tư pháp đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 19/02/2013). Bộ Tư pháp xin tiếp thu và sẽ phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề xuất cơ quan có thẩm quyền quy định về vấn đề này.

2. *Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục quan tâm, có hướng dẫn hoặc nghiên cứu đối với văn bản số 2023/STP-LLTP ngày 23/04/2015 gửi Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia về việc xin ý kiến hướng dẫn liên quan đến công tác lý lịch tư pháp (UBND thành phố Hồ Chí Minh).*

Trả lời:

Ngày 03/7/2015, Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia đã có Công văn số 640a/TTLTPQG-HCTH gửi Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, đăng ký cấp Phiếu lý lịch tư pháp trực tuyến, trong trường hợp cá nhân gửi hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 qua dịch vụ bưu chính, Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật về chứng thực (Điểm a Khoản 1 Mục I Phần B Quyết định số 19/QĐ-

TTg). Quy định này nhằm bảo đảm xác định chính bản thân cá nhân đó có yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp, đồng thời bảo đảm phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 46 Luật Lý lịch tư pháp.

Như vậy, trong thời gian triển khai thực hiện thí điểm phương thức cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua dịch vụ bưu chính, đề nghị Quý Sở thực hiện theo quy trình đã được quy định tại Quyết định số 19/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, Sở Tư pháp lưu ý biểu mẫu Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp vẫn được sử dụng theo biểu mẫu số 03/2013/TT-LLTP ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BTP ngày 11/11/2013 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu và mẫu sổ lý lịch tư pháp. Trường hợp cá nhân gửi hồ sơ yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp số 2 qua dịch vụ bưu chính, Tờ khai yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật về chứng thực.

3. Đề nghị Bộ Tư pháp xây dựng cơ chế phối hợp, ứng dụng công nghệ thông tin trong tra cứu xác minh về án tích đối với người đã từng bị kết án nhằm giải quyết nhanh việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp (UBND tỉnh Bình Dương).

Trả lời:

Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu lý lịch tư pháp là một trong những giải pháp góp phần quan trọng vào việc bảo đảm thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp. Thời gian qua, để giải quyết tình trạng trễ hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp, Bộ Tư pháp (TTLLTPQG) đã phối hợp với Cục Hồ sơ nghiệp vụ cảnh sát - Bộ Công an (C53) triển khai thử nghiệm giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong việc chuyển yêu cầu, kết quả tra cứu, xác minh thông tin để cấp Phiếu LLTP giữa Trung tâm Lý lịch tư pháp tư pháp quốc gia, C53 và Sở Tư pháp (gọi tắt là giải pháp “Kiềng ba chân”) tại 11 Sở Tư pháp, trong đó có Sở Tư pháp Bình Dương. Kết quả thử nghiệm cho thấy giải pháp này đã cơ bản khắc phục tình trạng trễ hạn cấp Phiếu LLTP.

Bộ Tư pháp thấy rằng, đề xuất xây dựng cơ chế phối hợp, ứng dụng công nghệ thông tin trong tra cứu xác minh về án tích đối với người đã từng bị kết án nhằm giải quyết nhanh việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp của UBND tỉnh Bình Dương là cần thiết. Tuy nhiên, để triển khai giải pháp này đòi hỏi phải có một Đề án tổng thể với sự tham gia của các cơ quan Tòa án, Viện Kiểm sát, Công an, Thi hành án dân sự từ Trung ương đến địa phương, các cơ quan có liên quan trong quân đội, Ủy ban nhân dân xã phường, thị trấn. Bộ Tư pháp xin ghi nhận đề xuất của UBND tỉnh Bình Dương và sẽ nghiên cứu, đề xuất trong quá trình hoàn thiện thể chế về lý lịch tư pháp. Trước mắt, khi chưa có Đề án tổng thể, để bảo đảm thời hạn cấp Phiếu lý lịch tư pháp, đặc biệt là đối với trường hợp tra cứu xác minh thông tin về án tích đối với người đã từng bị kết án, đề nghị UBND tỉnh Bình Dương quan tâm chỉ đạo các cơ quan: Sở Tư pháp, Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát, Thi hành án dân sự, Sở Thông tin – Truyền thông trên địa bàn tỉnh nghiên cứu triển khai giải pháp trao đổi, cung cấp thông tin phục vụ

việc cấp Phiếu lý lịch tư pháp qua hệ thống mạng nội bộ của tỉnh. Đây cũng là giải pháp đã được triển khai tại một số tỉnh như Cà Mau.

XIII. LĨNH VỰC THANH TRA

Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, trình Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Tư pháp (UBND thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

Thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đã triển khai xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP. Bộ Tư pháp đã trình Chính phủ dự thảo Nghị định (Tờ trình số 13/TTr-BTP ngày 11/5/2015). Ngày 14/8/2015, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

XIV. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

1. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 31 Thông tư 03/2013/TT-BTP ngày 31/01/2013 hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, thời hạn các Bộ, ngành gửi báo cáo công tác thường nhà nước về Bộ Tư pháp đối với báo cáo 6 tháng là trước ngày 15/4 và thời điểm lấy số liệu là từ ngày 01/10 của năm trước đến 31/3 năm sau. Tại Điều 6 Thông tư 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 về hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp thì thời hạn báo cáo gửi Bộ Tư pháp đối với báo cáo 6 tháng chậm nhất vào ngày 02/6 hàng năm và thời điểm lấy số liệu từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/4 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế); số liệu thống kê ước tính được lấy từ ngày 01/5 đến hết ngày 30/6 hàng năm. Như vậy, chưa có sự thống nhất giữa thời điểm lấy số liệu và thời hạn báo cáo. Đề nghị Bộ Tư pháp nghiên cứu, sửa đổi (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam).

Trả lời:

Ngày 31/01/2013, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 03/2013/TT-BTP hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính (Thông tư số 03) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2013. Theo quy định tại Điều 30 và 31 Thông tư số 03, thời điểm chốt số liệu thống kê đối với báo cáo 06 tháng kể từ ngày 01/10 của năm trước đến ngày 31/3 của năm báo cáo và thời hạn báo cáo trước ngày 15/4 (đối với các Bộ, UBND cấp tỉnh), trước ngày 10/4 (đối với UBND cấp huyện); đối với báo cáo năm, thời điểm lấy số liệu thống kê từ ngày 01/10 năm trước đến ngày 30/9 của năm báo cáo và thời hạn báo cáo trước ngày 15/10 (đối với các Bộ, UBND cấp tỉnh), trước ngày 10/10 (đối với UBND cấp huyện).

Ngày 03/12/2013, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 20/2013/TT-BTP hướng dẫn một số nội dung thống kê của Ngành Tư pháp (Thông tư số 20) có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16/01/2014. Theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 20, thời điểm chốt số liệu thống kê đối với báo cáo 6 tháng từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6 hàng năm, đối với báo cáo năm từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm.

Như vậy, căn cứ vào Thông tư số 20 thì thời điểm chốt số liệu về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính có sự khác biệt so với Thông tư số 03. Vì Thông tư số 20 được ban hành sau, mặt khác, là Thông tư chuyên ngành về báo cáo thống kê, do vậy, để tạo thuận lợi cho các Bộ, ngành, địa phương trong việc thống kê, báo cáo thì Bộ Tư pháp thống nhất thời điểm thống kê, báo cáo về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính sẽ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 20.

Hiện nay, để bảo đảm cho việc thống nhất số liệu trong báo cáo, thống kê thuộc phạm vi của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là quản lý hành chính, tố tụng, thi hành án phục vụ báo cáo Chính phủ và Quốc hội hàng năm, đồng thời, bảo đảm cho các Bộ, ngành, địa phương thuận lợi trong việc thực hiện báo cáo, thống kê về công tác bồi thường nhà nước, Bộ Tư pháp đang thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 03/2013/TT-BTP và Thông tư số 20/2013/TT-BTP.

2. Việc triển khai, thực hiện các văn bản QPPL trong lĩnh vực bồi thường nhà nước còn chậm và lúng túng do thiếu hoặc chậm có hướng dẫn chi tiết và chưa có kế hoạch đào tạo, tập huấn cho cán bộ pháp chế Bộ, ngành về công tác này. Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, chỉ đạo, nhất là việc củng cố, kiện toàn tổ chức và nâng cao trình độ, năng lực cho các Bộ, ngành và địa phương về lĩnh vực này vì hiện nay việc theo dõi công tác bồi thường nhà nước giao cho Vụ Pháp chế song chưa có điều kiện triển khai, thực hiện nề nếp được (Bộ Thông tin và Truyền thông).

Trả lời:

Từ khi Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được ban hành và có hiệu lực pháp luật, Bộ Tư pháp đã chủ trì, tham gia phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình cấp thẩm quyền ban hành đầy đủ văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn quản lý nhà nước về công tác bồi thường và hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, thi hành án dân sự và tố tụng.

Bên cạnh đó, Bộ Tư pháp cũng rất quan tâm đến công tác phổ biến, tuyên truyền Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Hàng năm, Bộ Tư pháp đều tổ chức và phối hợp tổ chức các Hội nghị tập huấn văn bản mới, Tọa đàm giải đáp vướng mắc trên phạm vi cả nước; in, cấp phát một số ấn phẩm đọc dùng cho đối tượng là công chức thực hiện nhiệm vụ tham mưu về công tác bồi thường nhà nước nghiên cứu (*sách cầm nang, sổ tay hướng dẫn, tờ rơi tờ gấp...*). Tuy nhiên, nguồn kinh phí được cấp cho công tác

này còn hạn chế, do đó, Bộ Tư pháp chưa thực hiện được nhiều hoạt động đào tạo, tập huấn tại địa phương. Thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục tăng cường đào tạo, tập huấn để nâng cao trình độ, năng lực cho các đối tượng là công chức thực hiện nhiệm vụ tham mưu về công tác bồi thường nhà nước tại các Bộ, ngành, địa phương.

XV. LĨNH VỰC XUẤT BẢN TƯ PHÁP

Đề nghị Bộ Tư pháp quan tâm, chỉ đạo Nhà xuất bản Tư pháp trong việc đảm bảo chất lượng các Sổ hộ tịch để đảm bảo công tác lưu trữ hồ sơ, sổ bộ hộ tịch tại địa phương (Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh).

Trả lời:

1. Về chất lượng Biểu mẫu, Sổ hộ tịch

Hiện nay, Bộ Tư pháp giao cho Nhà xuất bản Tư pháp in và phát hành 05 Sổ hộ tịch và 05 biểu mẫu hộ tịch bản chính, cụ thể như sau:

1.1. 5 loại Sổ hộ tịch sử dụng để đăng ký các sự kiện hộ tịch theo quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005, Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 và Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 gồm: Sổ đăng ký khai sinh, Sổ đăng ký kết hôn, Sổ đăng ký khai tử, Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Sổ đăng ký việc giám hộ/nhận cha, mẹ, con.

1.2. 03 loại bản chính biểu mẫu hộ tịch sử dụng để đăng ký các sự kiện hộ tịch theo quy định tại Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 (*Sử dụng tại UBND cấp xã, UBND cấp huyện, Sở Tư pháp và các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài*) gồm: Giấy khai sinh (bản chính), Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), Giấy chứng tử (bản chính).

1.3. 02 bản chính biểu mẫu hộ tịch sử dụng để đăng ký việc kết hôn; nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài theo quy định tại Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 và Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 gồm Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Quyết định công nhận việc cha, mẹ, con (bản chính).

- Sổ hộ tịch được in với bìa cứng, tờ gát in giấy Couché 200g/m², ruột in giấy Bãi Bằng định lượng 70g/m²;

- Biểu mẫu hộ tịch Giấy khai sinh (bản chính), Quyết định công nhận việc cha, mẹ, con (bản chính), Giấy chứng tử (bản chính) được in trên giấy Offset In-đô định lượng 80g/m²; Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính) được in trên giấy Offset In-đô định lượng 180g/m²

Qua thực tiễn công tác phát hành các loại giấy tờ trên thời gian qua và kết quả khảo sát ý kiến của các cơ quan tư pháp địa phương cho thấy chất lượng Biểu mẫu, Sổ hộ tịch do Nhà xuất bản Tư pháp cung cấp về cơ bản đáp ứng yêu

cầu chất lượng, bảo đảm công tác quản lý và lưu trữ lâu dài, góp phần phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về hộ tịch.

Đối với ý kiến của Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh phản hồi về chất lượng sổ hộ tịch, Bộ Tư pháp sẽ phối hợp với các đơn vị có liên quan thanh tra, kiểm tra để xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng các loại biểu mẫu, sổ hộ tịch để bảo đảm công tác quản lý và lưu trữ lâu dài biểu mẫu, sổ hộ tịch tại địa phương.

2. Về giải pháp nâng cao chất lượng các loại biểu mẫu, giấy tờ và sổ hộ tịch thời gian tới

Thực hiện Luật hộ tịch số 60/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 20/11/2014, theo ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ, hiện nay Nhà xuất bản Tư pháp đang chủ trì phối hợp với Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực và các đơn vị liên quan xây dựng “*Đề án giấy tờ, sổ hộ tịch*”, trong đó đề xuất nhiều giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các loại biểu mẫu, giấy tờ và sổ hộ tịch theo hướng lựa chọn các chất liệu giấy có thể tránh gãy, bong bìa, phai màu, chống mối, mọt, mốc... bảo đảm công tác quản lý và lưu trữ lâu dài biểu mẫu, sổ hộ tịch qua đó từng bước đưa công tác quản lý nhà nước về hộ tịch ngày càng hiệu quả góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại.

XVI. VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nghiên cứu, chỉ đạo các tổ chức pháp chế, Sở Tư pháp và các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương có các giải pháp tháo gỡ.

2. Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ quan tâm phối hợp Bộ Tư pháp tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến công tác tổ chức bộ máy, cán bộ và vấn đề ngân sách của Ngành Tư pháp.

3. Các tổ chức pháp chế, Sở Tư pháp nghiên cứu kỹ các nội dung kiến nghị và trả lời kiến nghị nêu trên, báo cáo đề xuất các giải pháp tháo gỡ, trình Lãnh đạo Bộ, ngành, địa phương chỉ đạo thực hiện./.

BỘ TƯ PHÁP